

CHƯƠNG 1

CAO ĐÀI VÀ ĐẠI ĐẠO

MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

MỤC 2. CAO ĐÀI

MỤC 3. THIÊN NHÂN

MỤC 4. QUYỀN PHÁP

MỤC 1

TỔNG QUAN VỀ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là đại cuộc cứu độ nhân loại bằng chánh pháp Đại Đạo do Thượng Đế thiết lập vào thời kỳ hạ nguon này.

Năm Bính Dần 1926, Đức Chí Tôn sáng lập đạo Cao Đài để khai minh Đại Đạo, tức là dùng một tôn giáo, ứng dụng những quy luật của vũ trụ hay thiên lý, thiên cơ, hầu phổ độ chúng sanh.

Thiên cơ là sự vận hành tuần hoàn của Đạo theo luật tuần hoàn “chu nhi phục thử” mà Tam kỳ phổ độ ứng với thời sau cùng của cuộc phục thử quy nguyên.

Quy nguyên hay hoàn nguyên là cứu cánh tiến hóa của chúng sanh trong quá trình bảo tồn và thăng tiến tâm linh. Chánh pháp Đại Đạo có mục đích giác ngộ con người về cơ quy nguyên để bước vào con đường giải thoát, tức Đại Đạo, bằng những điều kiện tự hữu của một chủ thể Tiểu Linh Quang tiến hóa và những đặc ân của Thượng Đế trong thời Tam kỳ phổ độ.

Tuy cơ cứu độ do đức háo sanh của Thượng Đế mở ra, nhưng nhất nhất đều dựa vào những nguyên lý tự nhiên và đương nhiên của Càn Khôn vũ trụ.

Trước nhất là nguyên lý **Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể**, mà qua đó, giáo lý Đại Đạo nêu lên một Đại bản thể Đại Linh Quang là nguồn gốc phóng phát vô vàn Tiểu Linh Quang đồng thể, những hạt giống tâm linh được gieo vào cơ tiến hóa của vạn vật.

Chính nhờ có mối tương quan **Đại Linh Quang – Tiểu Linh Quang** mà vạn vật luôn luôn được hấp dẫn, thúc đẩy và có khả năng tiến hóa trở nên một chủ thể hoàn thiện.

Trên đường tiến hóa, đạt đến địa vị làm người là đã trở nên một chủ thể tối linh trong vạn vật, có khả năng tương cảm tương ứng với Thượng Đế Đại Linh Quang, có quyền năng góp phần cùng Tạo Hóa tạo dựng, dưỡng dục quần sanh. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

*“Trời với người tuy hai mà một,
Mấy Trời ban, then chốt do người;
Linh Quang trong sạch tốt tươi,
Trước trần ô nhiễm, ra người phạm phu.”¹*

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*“Nên Đạo nên người tự bấy lâu,
Phải lo tìm lại chốn nguồn đầu;
Thiên nhơn hiệp nhứt đều do ở,
Tâm của chính người biết nhiếp thấu.”²*

¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-7 Quý Sửu.

² Đức Quan Âm Bồ Tát; Minh Đức Tu Viện, Ngọ thời, 13-01 Ất Mão.

Do đó giáo lý Đại Đạo chấp nhận quan niệm “Tam tài đồng đẳng”.

Trên cơ sở **Trời Người đồng nhất** và **Tam tài đồng đẳng**, con người đương nhiên có sứ mạng làm người rất cao quý. Chính thế gian là môi trường lập công bồi đức và rèn luyện để con người có thể tiến hóa ngày càng cao cho đến khi thoát khỏi luân hồi, vào hàng thượng đẳng thiêng liêng. Đó là **sứ mạng vi nhân** mà mỗi người phải hoàn thành giữa gia đình, xã hội, dân tộc và đồng loại:

“Sứ mạng cao cả được đặt định cho loài thượng đẳng chúng sinh ở cõi này là sứ mạng vi nhân, được thay Trời mà quản cai muôn vật trong luật tắc sinh hóa, và có đủ quyền năng tự giải thoát để tiến hóa.”¹

Trong Tam kỳ phổ độ, những bậc nguyên nhân được Đức Chí Tôn ban trao **quyền pháp** còn thọ nhận sứ mạng trọng đại hơn nữa, đó là **sứ mạng đại thừa** hay “thế thiên hành hóa” cứu độ nhân sanh.

Nhằm cứu độ nhân loại một cách toàn diện, Đức Chí Tôn dùng tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục nhứt” để lập thành chánh pháp Đại Đạo. Ấy là quy nguyên Tam giáo, Ngũ chi để có đủ quyền pháp thực hiện mục đích “Thế đạo đại đồng, thiên đạo giải thoát”.

Trên mục tiêu “Thế đạo đại đồng”, giáo lý Đại Đạo chủ trương phục hồi **nhân bản**, tạo **thế nhân hòa**. Vì chỉ khi nào mỗi người quay lại sống đúng cương vị con người đích thực với đầy đủ nhân tính và thương yêu, tôn trọng mọi

¹ Đức Đông Phương Chương Quán; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hội thời, 01-01 Quý Hợi.

người, đối xử xứng đáng với nhân vị của họ, thế gian mới trở nên đời thánh đức hay **thế giới đại đồng**:

“Nhân bản có sáng chói, con người mới cảm thấy mình là con người.”¹

Trên mục tiêu “Thiên đạo giải thoát”, Đức Chí Tôn ban trao Tân pháp Cao Đài, dùng pháp môn **tánh mạng song tu** độ dẫn các hàng môn đệ cầu đạo giải thoát. Đây là những người bước vào Thiên đạo. Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Thiên đạo là **Thiên đạo đại thừa**, tức hành giả phải song hành “tự độ – độ tha”, có nghĩa muốn thực hành thiên đạo thành công đắc quả, phải nhận lãnh sứ mạng tận độ chúng sanh:

*“Thiên Đạo trường lưu khắp vạn loài,
Chuyển cơ tiến hóa nhiệm mầu thay;
Đại Thừa sứ mạng hành thiên đạo,
Nào quản hề đông nẻo dặm dài.”²*

Điểm đặc biệt của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là thế **Thiên nhân hiệp nhất**. Chính Đức Chí Tôn nắm giữ chánh pháp và đặt quyền pháp vào cơ đạo, đồng thời, ban trao quyền pháp cho hàng sứ mạng hầu thực hiện mục tiêu phổ độ. Quyền pháp mở đầu đại cuộc khai minh Đại Đạo là tôn giáo Cao Đài:

*“Đại Tì Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này
để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc
đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo*

¹ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tý thời, 14 rạng 15-02 Canh Tuất.

² Đức Đông Lâm Tiên Trưởng; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-10 Đinh Tỵ.

Cứu Thế trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.”¹

Quyền pháp chính là cái gạch nối giữa “Thiên” và “Nhân” để lập thành thể pháp vận hành Thiên lý, chuyển cơ quy nguyên phục nhất đến vạn giáo, vạn linh.

Tổng quát, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là đại cuộc hi hữu của thiên cơ nhằm kết thúc một chu kỳ lịch sử của thế giới nhân loại đã trải qua Thượng nguồn, Trung nguồn, đến Hạ nguồn.

Hi hữu, vì Đức Chí Tôn đang xoay chuyển để cuộc phân hóa của vạn giáo và vạn sanh được quy nhất về Đại Đạo do chính Ngài làm chủ, đồng thời thanh lọc, tuyển chọn những đối tượng tiến hóa để xây dựng đời Thượng nguồn mới. Đó là nguyên lý **Nhất tán vạn – vạn quy nhất** của Đạo.

Hi hữu hơn nữa là cuộc vận chuyển phản bản hoàn nguyên này tuy do Thượng Đế định đoạt nhưng lại xoay quanh cái trục càn khôn nối liền hai trung tâm quyền pháp là **Thái Cực Thánh Hoàng** và **ngôi Hoàng Cực** của vạn linh:

“Hoàng Cực tức là ngôi Trung Hòa giữa Thiên Địa vạn vật vậy. (...) Đời có được an bình, có lập được Thượng Nguồn Thánh Đức, là chính mỗi con người phải nhận chân một Di Lạc thực sự ở con người. Tì bi, bác ái, công bình, chánh trực, đại đồng, năm căn bản này sẽ thị hiện Di Lạc

¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, Tý thời, 01-01 Kỷ Dậu.

Thiên Tôn. Nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, đó là ngôi Hoàng Cực.”¹

Đó là vạn linh hiệp với Chí linh, mới hoàn thành cơ đạo.

Thế nên, Đại Đạo được biểu trưng bằng **Thiên Nhân** là Ngôi Nhứt nguyên chủ tể, có thần lực sáng soi, hiệp nhứt với **chân tâm** con người tịnh khiết hầu đưa chúng sanh vào cuộc tái tạo dinh hoàn.

Vì vậy, hai chữ **Cao Đài** vừa có nghĩa là trung tâm vũ trụ, vừa là thang tiến hóa của vạn sanh, vừa là Chân lý vĩnh cửu để tất cả quy về, viên thành trong Đại Bản Thể tức Thượng Đế Chí Tôn, mà chỉ trong cơ cứu độ kỳ ba, là cơ hội ngàn năm một thuở, Cao Đài thị hiện để lập thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

¹ Đức Vạn Hạnh Thiên Sư; Trúc Lâm Thiên Điện, 07-4 Canh Tuất.

MỤC 2

CAO ĐÀI

Trong thời kỳ cứu độ lần thứ ba, Đức Chí Tôn Thượng Đế chọn danh từ **Cao Đài** làm danh xưng của Ngài và làm danh hiệu của nền đạo mới do Ngài trực tiếp khai mở. Vậy Cao Đài là gì?

1. ĐỊNH NGHĨA

Danh từ “Cao Đài” được kết hợp bởi hai từ đơn – “Cao” và “Đài” – với những nội dung được tổng quát hóa như sau:

“**Đài**” là một danh từ, được dùng để chỉ một cấu trúc có thứ bậc, bao gồm nhiều tầng lớp và cấp độ; mỗi tầng lớp (cấp độ) đóng một vai trò xác định để hình thành và duy trì sự hiện hữu của toàn bộ cấu trúc: “tầng dưới” làm nền tảng cho “tầng trên”, “tầng trên” phát huy tác dụng của “tầng dưới”.

“**Cao**” là một tính từ, vừa được dùng để chỉ về *lượng*, nhằm nhấn mạnh sự vô cùng, vô tận trong những thứ bậc kiến thiết nên cấu trúc ấy; vừa được dùng để chỉ về *phẩm*, nhằm suy tôn hoặc tạo lập giá trị của cấu trúc ấy.

Do đó, **Cao Đài** là một cấu trúc vô hạn mang tính chất thứ bậc và chứa đựng một giá trị to lớn đối với con người.

Trong định nghĩa này, **Đài** đề cập đến khách quan tính của Trời Đất, **Cao** hàm ngụ chủ thể tính ở con người; nên Cao Đài là cấu trúc được tạo thành bởi sự phối hợp giữa con người và Trời Đất. Sự phối hợp này được thực hiện bởi một nguyên lý – mà giáo lý Đại Đạo gọi là Thiên Nhân hiệp nhất – và được Thượng Đế sử dụng trong thời hạ nguơn mật kiếp như một chìa khóa để cứu độ vạn linh:

*“Cao Đài – chỗ Thiên Nhân hiệp nhất,
Tá danh, hầu cứu vớt vạn linh;
Trong cơn thay xác đổi hình,
Hạ Nguơn mật kiếp phục sanh tánh lành.”¹*

Nếu diễn tả qua một hình ảnh trực quan hơn, Cao Đài là một chiếc đài cao có vô số tầng. Càng bước lên những tầng cao hơn, tầm nhìn của con người càng được rộng mở, nhận thức của con người càng được giải thoát ra khỏi những giới hạn chật hẹp của định kiến để thông đạt chân lý của vũ trụ, vạn vật, cũng như chứng nghiệm được chân lý trong chính bản thân mình:

*“Cao Đài là cái đài cao,
Vượt lên tất cả đôn rào ngăn che.
Thấy tỏ rõ mà nghe thấu suốt,
Có gì đâu hạn cuộc được ta;
Ngoài trời, Thượng Đế bao la,
Trong lòng vạn tượng cũng là Chí Tôn.”²*

¹ Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 01-3 Bính Ngọ.

² Đức Quảng Đức Chơn Tiên; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 07-6 Tân Dậu.

2. CAO ĐÀI LÀ VŨ TRỤ

Định nghĩa tổng quát trên đây, khi được đặt vào ngữ cảnh của vũ trụ, sẽ bộc lộ một ý nghĩa cụ thể hơn: Cao Đài là vũ trụ, một vũ trụ hiện hữu trong sự tương hiệp giữa Thượng Đế, con người và vạn vật. Trong ngữ cảnh này, giáo lý Đại Đạo giải thích:

*“Cao thị Thiên cao chường vạn loài,
Đài vi Địa hậu dưỡng vô nhai;”¹*

nghĩa là: Cao là **cái cao cả** của Trời để sáng tạo nên tất cả, bao gồm mọi sự vật, mọi hiện tượng; Đài là **cái sâu dày** của Đất để nuôi dưỡng tất cả, không giới hạn một vật nào, không bỏ sót một vật nào.

Theo đó, “Cao” có nghĩa là cái cao cả vô tận vô cùng của Trời, mà “Trời” ở đây lại có nghĩa là **tâm linh**, nên “Cao” là sự cao cả của tâm linh. Còn “Đài” có nghĩa là cái sâu dày vô tận vô cùng của Đất, mà “Đất” ở đây lại có nghĩa là **vật chất**, nên “Đài” là sự sâu dày của vật chất. Kết hợp lại, nội dung của phạm trù “Cao Đài” bao hàm cả Trời Đất – hay còn gọi là Thiên Địa, Càn Khôn – là hai tác năng vô hình, được hình thể hóa thành *vũ trụ*. Sự hình thể hóa này được Đạo Học Chi Nam xác nhận:

“Vũ trụ là hình thể của Trời Đất.”²

Vì là hình thể của Trời Đất, vũ trụ cũng là hình thể của Cao Đài. Cao Đài vừa là bản thiết kế của vũ trụ, vừa là nguồn vật liệu để xây dựng vũ trụ. Nói khác đi, Cao Đài là nguyên lý của vũ trụ: nếu không có nguyên lý ấy, vũ trụ

¹ Đức Trần Hưng Đạo; Bát Nhã Thiên Đường, Ngọ thời, 29-01 Đinh Tỵ.

² Đạo Học Chi Nam, chương 1, tiết 4, mục 1.

không thể được sáng tạo; mà giả sử có được sáng tạo, vũ trụ vẫn không thể được bảo tồn. Do đó, *nếu không có Cao Đài như một linh hồn, thì không thể có vũ trụ như một thể xác*. Và vì lẽ đó:

“Cao Đài là Tâm của vũ trụ.”¹

Vì Cao Đài là tâm, là cái cốt yếu của vũ trụ, nên **Cao Đài là vũ trụ**. Như vậy, vũ trụ là một chiếc đài cao, được thiết kế bởi những ý tưởng sáng tạo của tâm linh và được dựng xây từ nguồn vật liệu của vật chất.

3. CAO ĐÀI LÀ CON NGƯỜI

Cũng như chính bản thân vũ trụ, mỗi tạo vật trong vũ trụ – trong đó có con người – đều được kiến tạo theo mô hình “chiếc đài cao” mà chính cấu trúc vô hạn của vật chất là một minh chứng. Tuy nhiên, Cao-Đài-noi-vạn-vật là một cơ cấu đã được hình thành, hiện diện như một định mạng bất di bất dịch mà vạn vật không thể tự mình thay đổi được; còn Cao-Đài-noi-con-người là một vũ trụ đang được xây dựng.

Nhưng cái Cao Đài mà mỗi cá nhân phải tự xây dựng lấy, là gì? *“Cao Đài chẳng khá ở ngoài tâm.”²* Nghĩa là, Cao Đài ấy chính là *tâm* của cá nhân đó.

*“Tâm người là một Cao Đài,
Là tiểu Thiên Địa, Tam Tài chí linh.”³*

¹ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hội thời, 29-8 Quý Hợi.

² Đức Cao Triều Phát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-10 Kỷ Mùi.

³ Đức Quan Âm Bồ Tát; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 03-9 Giáp Dần.

Tâm của con người một chiếc đài có vô số tầng, mà mỗi tầng chính là một bậc thang tiến hóa trong tiềm thể. Sự khác biệt giữa những trình độ tiến hóa đó không nằm ở bất cứ một tha lực hay một điều kiện ngoại tại nào, mà chỉ nằm ở khả năng phản tỉnh của chính mỗi cá nhân mà thôi.

Nhưng với cấu trúc nhiều tầng trong không-thời gian của cơ tiến hóa, thì *tâm* của mỗi cá nhân chỉ mới là một chiếc đài (và chiếc đài ấy chính là cơ tiến hóa nội tại trong tiểu vũ trụ của từng con người.) Chiếc đài ấy có *cao* hay không, nghĩa là có vươn được lên đến những nấc thang Thần, Thánh, Tiên, Phật trong guồng máy tiến hóa hay không, đó là do từng cá nhân tự quyết định. Và Tạo Hóa – tức là Đức Chí Tôn Thượng Đế – đã ban cho con người đủ quyền tự do để quyết định, cũng như đủ quyền năng để thực hành quyết định của mình.

Như vậy, ***Cao Đài cũng chính là con người.*** Mỗi cá nhân con người là một đồng tác giả với Thượng Đế trong việc kiến tạo nên Cao Đài nội tại nơi chính bản thân mình. Mặc dù Thượng Đế đã tạo ra tầm kích hùng vĩ của chiếc đài cao ấy qua cơ cấu tiểu vũ trụ của mỗi cá nhân, nhưng những giá trị nhân sinh của chiếc đài cao ấy đều do chính cá nhân ấy tự thiết lập qua cách sống của mình.

4. CAO ĐÀI LÀ NHÂN SINH

Nhân sinh là đời sống cộng đồng của nhân loại, được thể hiện ở nhiều quy mô khác nhau: gia đình, dân tộc, quốc gia, khu vực địa lý, thế giới nhân loại,... Dù ở bất kỳ quy mô nào, một xã hội cũng chỉ có thể tồn tại trong trật tự, kỷ cương của chính nó: gia đình phải có nề nếp của gia đình, đoàn thể phải có trật tự của đoàn thể, quốc gia phải có kỷ cương của quốc gia,...

Trật tự kỷ cương xã hội được hiện thực hóa qua tổ chức xã hội. Mọi xã hội có tổ chức đều là một hệ thống thứ bậc với ba giai tầng tiêu biểu: tầng trên cùng là thành phần lãnh đạo, tầng giữa là thành phần quản lý, tầng dưới là các thành viên. *Mỗi xã hội có tổ chức đều là một chiếc đài, nhưng chưa phải là một chiếc đài cao.* Thật vậy, chiếc đài này tuy có thể đạt một chiều cao nào đó về khả năng tự duy trì bằng quyền lực, nhưng chưa hẳn đã cao về giá trị nhân văn nếu thiếu một yếu tố căn bản.

Yếu tố căn bản ấy là gì? Đức Thượng Đế dạy:

“Tâm chí thành và sứ mạng hòa hiệp của các con là Cao Đài.”¹

Mỗi cá nhân con người vốn là một Cao Đài trong vũ trụ. Nhưng nếu không có sự hòa hiệp với nhau giữa những chiếc đài cao nơi từng cá nhân, thì không thể tạo thành chiếc đài cao của xã hội; khi đó, dù xã hội có vận động theo chiều hướng nào và có phát triển đến đâu, thì cũng chỉ là một hệ thống giai cấp với những phân tranh để tự hủy diệt.

Tuy nhiên, nếu chỉ có sự hòa hiệp thì cũng chưa đủ, mà sự hòa hiệp ấy còn phải được thực hiện bởi một tấm lòng *chí thành*. Nói khác đi, phải đặt quyết tâm và nỗ lực để thực hiện sứ mạng hòa hiệp lên trên tất cả, thì *sự liên kết giữa những cá nhân mới tạo thành một xã hội vững chắc và sự liên kết giữa các xã hội mới tạo thành một nhân loại trường tồn.*

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-10 Quý Sửu.

Như vậy, xã hội tự nó chỉ mới là một chiếc đài. Chiếc đài ấy chỉ có thể đạt đến một chiều cao nhân bản tính khi con người mang hết tâm thành của mình ra mà thực hiện sự hòa ái với đồng loại. Nếu được như vậy, thì mỗi xã hội sẽ thật sự là một Cao Đài. Những Cao-Đài-xã-hội này được hiệp nhất từ những Cao-Đài-cá-nhân, và đến lượt mình, Cao-Đài-xã-hội lại trở thành những thành phần, những cấu tử, những phân tầng khác nhau của Cao-Đài-nhân-loại, nghĩa là của một tòa Cao Đài rộng lớn hơn, tòa Cao Đài của toàn thể nhân sinh.

Trong ý nghĩa đó, Cao Đài cũng chính là nhân sinh.

Và trong một xã hội nhân sinh được tạo dựng theo đúng mô hình Cao Đài như vậy – ở bất kỳ quy mô lớn nhỏ nào – thì trật tự kỷ cương chính là sơ đồ kiến trúc của xã hội đó. Sơ đồ đó thiết lập tương quan giữa các *trách nhiệm cá nhân tính* và các *mục tiêu xã hội tính*. Nhờ đó, con người không còn là một cá nhân mà trở thành một chức năng trong cộng đồng, một bổn phận trong xã hội, một sứ mạng trong nhân loại để thực hiện những mục tiêu chung của tập thể; và xã hội cũng không còn là một hệ thống giai cấp, mà trở thành một môi trường tiến hóa sống động để phát huy những khả năng tốt đẹp cũng như những sở dụng thiêng liêng của con người.

5. CAO ĐÀI LÀ TÔN GIÁO

Nguyên lý của “chiếc đài cao” đã xuất hiện trong khắp các tín ngưỡng thuộc mọi nền văn minh Đông Tây kim cổ, và đã được biểu tượng hóa trong kiến trúc của mọi tôn giáo. Các kim tự tháp của các tôn giáo cổ đại tại Ai cập và Pérou, những ngọn tháp nhiều tầng của các đền thờ Hindu, những ngọn tháp của các chùa Phật giáo, những tháp chuông của

các nhà thờ Thiên Chúa giáo, những ngọn tháp của các đền thờ Hồi giáo,... đều là những cách thức biểu hiện khác nhau của cùng một chiếc đài cao trong khát vọng hướng thượng của nhân loại.

Rõ ràng, mỗi tôn giáo đều không giấu được khuynh hướng tự bảo tồn lấy *hình thể cao đài* trong kiến trúc của mình. Những chiếc đài cao ấy được mỗi tôn giáo dùng để biểu thị cho *tâm kích to lớn và giá trị cao cả của công cuộc cứu thế mà tôn giáo ấy hoằng hóa nơi thế gian*.

Tôn giáo là một hình thái đặc biệt của cộng đồng nhân sinh. Nhưng không chỉ đơn thuần là thừa hưởng hay phát triển cấu trúc Cao Đài của nhân sinh, tôn giáo còn mô phỏng cấu trúc Cao Đài của vũ trụ, và hơn nữa, kết hợp cả hai cấu trúc đó – Cao Đài vũ trụ và Cao Đài nhân sinh – để phát huy những tiềm năng trong cấu trúc Cao Đài của con người. Với ý nghĩa đó, ***mỗi tôn giáo là một Cao Đài***.

Cao Đài nơi mỗi tôn giáo là Cao Đài của những bản sắc văn hóa dị biệt. Đó là cái Cao Đài đã tạo thành văn minh nhân loại cho đến ngày nay, bao gồm mọi lĩnh vực từ vật chất đến tâm linh. Điều đáng tiếc là sự dị biệt của những màu sắc tôn giáo rất phong phú ấy đã bị ngộ nhận như là sự mâu thuẫn, và bị biến thành một trong những duyên cớ để nhân loại tự phân hóa. Hậu quả của sự ngộ nhận này là các tôn giáo tự phủ định lấy bản chất Cao Đài vốn có trong tinh thần căn bản của chính mình. Bởi vậy, ngay sau khi những nhiệm vụ lịch sử của các tôn giáo thuộc Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ hoàn tất, thì một bài toán mới lập tức phát sinh ở những bước phát triển tiếp theo của văn minh nhân loại: nhân loại đang cần một Cao Đài phổ quát để xây dựng một thế giới thái bình và đại đồng.

Và giờ đây, cái Cao Đài phổ quát ấy đã thật sự xuất hiện trên hành tinh của chúng ta: tại Việt nam, đạo Cao Đài, tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đã được chính Đức Chí Tôn Thượng Đế trực tiếp khai mở để mang đến một giải pháp cho việc khôi phục bản thể đại đồng nhân loại.

6. CAO ĐÀI LÀ ĐẠI ĐẠO

Hai chữ “Cao Đài” chỉ thật sự bắt đầu được phổ biến trong nhân loại kể từ khi đạo Cao Đài ra đời. Mặc dù trong giai đoạn khởi đầu của mình, đạo Cao Đài hiện diện trên thế gian như một tôn giáo, nhưng thực chất, đó không phải là một tôn giáo theo ý nghĩa thông thường của danh từ này, mà đó chính là Đại Đạo, nghĩa là con đường tiến hóa tất yếu của vạn linh từ xưa đến nay trên địa cầu:

*“Người vẫn tưởng Cao Đài – tôn giáo,
Nào hay đâu Đại Đạo hồng dương;
Gôm thâu trăm nẻo ngàn đường,
Tam ngọn chuyển thể định phương phục hoàn.*

*Mở trí tuệ soi đàng thiên lý,
Định tâm hồn coi kỹ cơ Trời;
Một vòng luân chuyển ai ơi,
Cổ kim nhứt mạch Đạo Trời hóa sanh.”¹*

Nhờ việc mượn hình tướng của một tôn giáo, đạo Cao Đài đã dung hòa được những tư tưởng căn bản cũng như đã tổng hợp được những tinh ba trong chân truyền của vạn giáo. Thông qua một cơ cấu hữu hình là *nền tổ chức Đại Đạo*, những yếu tố căn bản và tinh túy của vạn giáo được hệ thống hóa thành Tam Giáo Đạo. Nhìn vào đó, nhân loại

¹ Đức Vạn Hạnh Thiên Sư; Trúc Lâm Thánh Đức Thiên Điện, Tuất thời, 07-3 Giáp Dần.

vừa có thể hiểu được bản chất của tam giáo đông phương (Thích giáo, Lão giáo, Khổng giáo), vừa có thể thấy được rằng vạn giáo trên thế gian là đồng nhất lý, vì cả tam giáo đông phương lẫn vạn giáo trên thế giới đều là hai phương diện khác nhau của Tam Giáo Đạo trong Đại Đạo.

Hình tượng tôn giáo của đạo Cao Đài là một sự chuẩn bị cho nhân loại về mặt nhận thức để lịch sử văn minh nhân loại có thể chuyển sang giai đoạn thánh đức hóa toàn thế giới:

“Thầy sắp đặt một thực tướng Tam Giáo cho các con hiểu rõ vạn giáo trên thế gian đồng nhất lý, ngõ hầu lập đời Thánh Đức sau hội Long Hoa.”¹

Thế nên, dù mang hình tượng của một tôn giáo, sự hiện hữu của đạo Cao Đài vẫn không phải là sự hiện hữu của một tôn giáo. Đạo Cao Đài là một tác nhân quy hiệp vạn giáo, hầu tạo một sức mạnh tinh thần thúc đẩy mọi tổ chức nhân sinh đạt được những tiến bộ mang tính chất nhân bản, sao cho mỗi tổ chức đều tự khẳng định được địa vị cao quý của mình trong một nền văn minh đại đồng:

“Đạo Cao Đài không phải thiết lập thêm một tôn giáo, mà là cố gắng sao các tôn giáo hiệp làm một. Chẳng những tạo cho tổ chức nơi mình một địa vị, mà làm cho tất cả các tổ chức thành một địa vị cao quý ở cõi đời này và nơi Thiên quốc, Niết Bàn.”²

Nếu muốn nói rằng đạo Cao Đài là một tôn giáo, thì đó chỉ có thể là tôn giáo truyền bá lý nhất nguyên của vũ trụ,

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-9 Canh Tuất.

² Đạo Học Chi Nam, chương 2, tiết 4, mục 1.

tính nhất thể của vạn vật, và sự đại đồng của nhân loại. Đó là tôn giáo suy tôn Thượng Đế thông qua những giá trị cao quý của con người. Đó cũng là tôn giáo hiện thực hóa sứ mạng của vạn giáo bằng cách tạo thế nhân hòa giữa vạn giáo.

Sự hiện hữu qua hình tướng tôn giáo Cao Đài của Đại Đạo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ là nhằm phát vào vũ trụ và nhân sinh một thông điệp để nhắc mỗi cá nhân nơi thế gian này nhớ rằng mình chính là một Cao Đài giữa nhân loại, để nhắc mỗi chơn linh còn lưu lạc trong lục đạo luân hồi nhớ rằng mình vẫn là một Cao Đài giữa Thiên Địa, và để nhắc mỗi tôn giáo trên địa cầu này nhớ rằng mình vốn là một Cao Đài trong sứ mạng cứu độ toàn linh của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

7. CAO ĐÀI LÀ DANH XUNG CỦA THƯỢNG ĐẾ TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Trong cơ cứu thế lần thứ ba, Đức Thượng Đế xưng danh là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát. Việc sử dụng danh xưng này của Thượng Đế còn có tác dụng trùng hưng Tam Giáo Đạo hầu cứu rỗi toàn linh:

“Thầy khai Đạo [trong] kỳ hạ nguồn này là đúng theo vận số tam nguồn, sẽ trở về thượng nguồn phản cổ; thế nên, Thầy tá danh Cao Đài Tiên Ông, khai Tam Kỳ Đại Đạo, cốt là để trùng hưng Tam Giáo cho lý đạo được siêu màu mới có thể độ toàn linh sanh chúng.”¹

Vậy danh xưng này chứa đựng ý nghĩa gì?

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Hườn Cung Đàn, Tý thời, 15-10 Quý Mão.

“Cao Đài” – một khái niệm có nguồn gốc sâu xa từ Thánh Đạo – là một phạm trù rộng lớn, bao hàm toàn thể vũ trụ, vạn vật, con người, và bao gồm mọi mức độ xã hội nhân sinh, trong đó có các tôn giáo. Cao Đài cũng chính là chỗ cao quý nhất trong mỗi chúng sinh; chỗ đó chính là Thánh Thể, là Phật Tính, là Thượng Đế Tính, vốn là một bản thể tiềm ẩn bên trong mỗi người, mỗi vật trong vũ trụ.

“Tiên Ông” – một hình tượng có nguồn gốc từ Tiên Đạo – được dùng để biểu trưng cho một đạo quả cao trọng mà mỗi con người đều có thể đạt được bằng những nỗ lực tu học của chính bản thân mình. Đạo quả đó đã được mỗi tôn giáo đề cập đến bằng những ngôn từ khác nhau, nhưng cùng để chỉ một kết quả cuối cùng duy nhất khi con người trở về đến nguồn cội thiêng liêng của mình.

“Cao Đài Tiên Ông” có nghĩa là *ông tiên của toàn thể vũ trụ, của tất cả mọi người, của tất cả mọi tôn giáo*. Ông Tiên đó vốn sẵn tiềm ẩn nằm trong mỗi người, mỗi vật. Và sự tiến hóa của mỗi vật trong vũ trụ, cũng như của mỗi cá nhân trong nhân loại chính là những giai đoạn khác nhau trong một hành trình duy nhất để “đánh thức” Ông Tiên đó, hay nói bằng một ngôn từ khác, để chuyển đạo quả trong chính mình từ một tiềm thể sang hiện thể.

“Đại Bồ Tát” – một danh từ có nguồn gốc từ Phật Đạo – có nghĩa là *người dẫn thân vào cõi thế để cứu độ toàn thể chúng sinh*, không chỉ cứu độ riêng cho nhân loại, mà cứu độ tất cả sinh linh trong vũ trụ.

“Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát” có nghĩa là *người tự cứu độ lấy mình bằng cách tự nỗ lực để làm thức tỉnh Phật Tính nội tại của chính mình, tự tu tiên để kiến tạo Thánh*

Thê trong chính bản thân mình, và sau đó, *mang kết quả tu chứng của mình ra để cứu độ vạn linh.*

“Ma Ha Tát” – là một tính từ có nguồn gốc Phật Đạo – có nghĩa là to lớn, sâu rộng về cả không gian lẫn thời gian. Đó là tính chất của Cao Đài, để chỉ rằng Cao Đài là cái tự hữu và hằng hữu trong vũ trụ và vạn vật một cách bẩm sinh và nội tại.

“Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” có nghĩa là Đấng tự hữu và hằng hữu khắp không gian và thời gian, cả bên trong lẫn bên ngoài vũ trụ vạn vật; Đấng ấy là Đấng cứu độ muôn đời của vạn linh.

Trong ý nghĩa đó, những danh từ “Cao Đài”, “Cao Đài Tiên Ông”, “Cao Đài Bồ Tát”, “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” đã được sử dụng như là danh xưng của Đức Thượng Đế khi Ngài đến mở đạo tại Việt nam để cứu rỗi nhân loại trong thời hạ nguon mặt kiếp.

Cũng trong ý nghĩa vừa nêu, Cao Đài là một danh từ chung hơn là danh từ riêng. Danh từ này đóng vai trò như một ấn tín thiêng liêng của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Các bậc Giáo Tổ của các thời kỳ cứu độ trước đây, khi giáng cơ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vẫn mang theo ấn tín này, đặc biệt là trong những trường hợp cần dẫn dắt những môn đệ hữu duyên trong tôn giáo của mình trở về với Đại Đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Thật vậy, vào thời khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, các Đấng Thiêng Liêng như Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Đức

Thích Ca Như Lai, Đức Thái Thượng Lão Quân,... đã không ít lần giáng cơ bằng danh xưng Cao Đài.¹

Về sau này, các Đấng Thiêng Liêng như Đức Chúa Jêsus, Đức Phật Thích Ca cũng vẫn không ít lần giáng cơ với danh xưng Cao Đài.²

Những sự kiện như vậy củng cố cho kết luận ở tiết trước: Cao Đài là Đại Đạo.

¹ Tài liệu tham khảo cho đoạn này:

- Đản cơ tại Vĩnh Nguyên Tự, 07 Avril 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.14: “*Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo đạo Nam Phương. Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã, Thích Ca Mâu Ni thị Ngã, Thái Thượng Nguyên Thi thị Ngã; kim viết Cao Đài.*”
- Đản cơ tại Hội Phước Tự (Cần Giuộc), 05-4 Bính Dần (Samedi 05 Juin 1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.21: “*Thích Ca Như Lai thị Ngã, dục cứu chúng sanh, tá danh Cao Đài Đại Bồ Tát.*”
- Đản cơ tại Chùa Giác Hải, 15-8 Bính Dần (21-9-1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.2, tr.10: “*Thích Ca Mâu Ni Phật viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, chuyển Phật giáo Nam Phương.*”
- Đản cơ tại Phước Linh Tự, 15-9 Bính Dần (24-10-1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.52: “*Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo đạo Nam Phương.*”

² Tài liệu tham khảo cho đoạn này:

- Đức Jêsus Christ; Hườn Cung Đản (Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất), 06-11 Mậu Thân (25-12-1968); Đạo Lý, số 37, tr.06: “*Gia Tô Giáo Chủ, tá danh Cao Đài.*”
- Đức Gia Tô Giáo Chủ; Hườn Cung Đản (Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất), Ngọ thời, 29-02 Mậu Thân (27-3-1968); Kinh Bình Minh đệ nhất, tr.22: “*Ngã tá danh Cao Đài độ chúng, Tùng Thiên Cơ sử dụng thi hành (...)*”
- Đức Thích Ca Như Lai; Văn Phòng Đại Đạo, 06-8 Canh Tuất (06-9-1970); Kinh Bình Minh đệ tam, tr.38: “*Thích Ca thị Ngã – Cao Đài Cao Đài thị Ngã, đổi thay danh từ.*”

Giáo lý Đại Đạo luôn nhấn mạnh rằng, danh xưng *Cao Đài* chỉ là một *tá danh* (nghĩa là danh xưng tạm mượn) của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Tại sao cần nhấn mạnh như vậy? Thượng Đế vốn là một Đấng Vô Danh, và mãi mãi Ngài là Đấng không-cần-xung-danh. Nhưng trong thời kỳ phổ độ lần thứ ba này, danh xưng “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” mà Ngài mang đến thế gian chính là để *tuyên xưng cho phẩm vị thiêng liêng của con người trong Trời Đất*. Sự tuyên xưng ấy nói rằng: bản thể của mỗi con người chính là một Đấng Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Vậy, sự xưng danh này không phải là một sự tự xưng về tầm vóc của Thượng Đế, mà là một tuyên ngôn về thiêng liêng vị của con người, tức là phẩm vị cao trọng mà con người tất yếu phải đạt được nếu tri hành trọn vẹn chánh pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

8. CAO ĐÀI NỘI TẠI

Đời sống của mỗi con người phải là một công cuộc kiến tạo chiếc đài cao trong chính mình, nếu không, con người không có cách nào để tự chứng minh rằng mình là một con người trong vũ trụ. Vì đó là chiếc đài cao trong chính bản thân mỗi con người – chứ không phải là một tha thể ngoại tại nào – nên chiếc đài cao ấy được giáo lý Đại Đạo gọi là *Cao Đài nội tại*.

Quyền năng kiến tạo Cao Đài nội tại là một tiềm năng bẩm sinh nơi con người; quyền năng ấy cũng là điểm khác biệt duy nhất giữa con người và vạn vật. Không sử dụng được quyền năng ấy, con người có thể bị thoái hóa xuống hàng vạn vật, và điều đó có nghĩa là con người tự tước bỏ quyền năng thiêng liêng ấy của mình.

Đối với con người, xây dựng Cao Đài nội tại phải là mục đích cứu cánh của cả kiếp sống, vì chỉ có cách đó thôi, con người mới có thể hiện hữu trong vũ trụ như là con người. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Phải quyết tâm xây đắp cho mình một tòa Cao Đài nội tại uy nghi trang trọng để ở hẳn vào đó, lấy đó làm ngôi vĩnh cửu trường tồn, sẽ vượt hẳn qua mọi dông bão nắng mưa.”¹

9. KẾT LUẬN

Khi nào hai chữ “Cao Đài” không còn được quan niệm một cách chật hẹp như là những gì chỉ liên quan đến tôn giáo Cao Đài, khi đó phạm trù Cao Đài mới bộc lộ ý nghĩa thật sự của mình.²

Hiện hữu – của Thượng Đế và con người, của vũ trụ và vạn vật, của tự nhiên và xã hội – là Cao Đài. Và cũng thế, Cao Đài là hiện hữu, theo nghĩa là nguyên lý và cơ cấu của hiện hữu.

Về nội dung, Cao Đài là một phạm trù đạo lý phổ quát, bao hàm toàn thể Thiên Địa vạn vật, trong đó có Thượng Đế và con người; nhưng về ứng dụng, phạm trù đó không dành cho vạn vật, cũng không dành cho Thượng Đế, mà *dành riêng cho con người*. Đức Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng mượn phạm trù này trong cơ cứu thế lần thứ ba để làm phương tiện cách tân nhận thức và hành động của

¹ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 14-3 Mậu Ngọ.

² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất Thời, 15-01 Giáp Dần: “Cao Đài không là cao đài, đó chính thị là Cao Đài.”

con người. Do đó, phạm trù này chỉ phát huy tác dụng khi con người sống với nó bằng nhận thức và hành động của mình qua thể Thiên Nhân hiệp nhất.

Trong thời gian, Cao Đài là chuyến viễn hành của Linh Quang để tạo lập thiên liêng vị. Trong không gian, Cao Đài là tiếng gọi trở về cội nguồn, trở về quê xưa vị cũ đối với tất cả Tiêu Linh Quang còn đang dang dở bước hành trình:

“Ai chưa xây đắp Cao Đài thì hãy xây đắp, ai chưa tìm thấy Cao Đài thì hãy tìm thấy, ai chưa gõ cửa Cao Đài thì hãy gõ cửa, vì Cao Đài là Tâm của vũ trụ, là Thần, là Gốc của con người.”¹

Và cuối cùng, không chỉ là tiếng gọi vạn linh hồi đầu hướng thiện, Cao Đài là một tân pháp của Đại Đạo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ để dẫn dắt cho vạn linh đạt được đến điểm cuối cùng của cuộc hành trình phục nguyên là hiệp nhất với Thượng Đế.

¹ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hội thời, 29-8 Quý Hợi.

MỤC 3

THIÊN NHÃN

1. TỔNG QUÁT

Mỗi tôn giáo ra đời đều gắn liền với vị Giáo chủ khai sáng. Và để tôn vinh vị giáo chủ cũng như giáo lý của tôn giáo mình, các chức sắc và tín đồ đã tôn thờ vị giáo chủ theo nghi thức đặc biệt nhất, trang trọng nhất.

Riêng đối với Đạo Cao Đài, Giáo chủ là Đấng Thượng Đế vô hình vô vi, đã giáng trần khai minh Đại Đạo qua huyền cơ diệu bút. Đã là vô hình, thì Ngài không thể có hình tượng để thờ phượng; tuy nhiên, vì lòng tín ngưỡng, tha thiết của nhân sanh – luôn hướng về Đấng Cao Đài, muốn tìm biểu tượng tôn thờ Ngài – nên Đức Cao Đài đã hai lần thị hiện “Thiên Nhân” cho đệ tử đầu tiên của Ngài là ông Ngô Văn Chiêu, và đã dạy dùng biểu tượng Thiên Nhân để thờ Ngài.

Thiên Nhân là một mặt trái đang mở, soi sáng giữa Càn khôn vũ trụ. Thiên Nhân chứa đựng lý cao sâu huyền nhiệm

của vũ trụ và nhân sinh, nên dầu Đức Cao Đài và chư Phật, Tiên đã hé mở thiên cơ qua Thánh giáo kể từ ngày Khai Đạo cho đến nay, nhưng quả thật Thiên Nhân vẫn là một công án mà hàng chức sắc, tín đồ Cao Đài luôn suy ngẫm để tìm bí pháp tu hành.

1.1. Thánh giáo dạy về Thiên Nhân

1.1.1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

*“Chưa phải hỏi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng **Con Mắt** mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh.*

*Nhân thị chủ Tâm
Lưỡng quang chủ tế
Quang thị Thần
Thần thị Thiên
Thiên giả Ngã dã*

*Thần là kiếm khuyết của cơ mầu nhiệm từ ngày Đạo bị bé. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này duy Thầy cho **Thần** hiệp Tinh Khí, đặng hiệp đủ Tam Bửu, là cơ mầu nhiệm siêu phàm nhập thánh.*

*(...) Thầy đến đặng **hườn nguyên Chơn Thần** cho các con đặng Đạo. Con hiểu: **Thần cư tại Nhân**. Bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ. **Nguồn cội Tiên Phật** do yếu nhiệm là tại đó”¹*

1.1.2. Đại Thừa Chơn Giáo

*“Tại sao Thầy lại biểu các con tạo ra **Thánh Nhân** mà thờ, không dạy thờ hình tượng như các tôn giáo khác?”*

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25 Février 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.12.

Các con phải biết rằng Trời là **Lý**, thì **Lý** ấy rất thông linh, bao quát cả Càn Khôn thế giới. Thầy đâu phải có xác phàm như các con mà tạo hình thể như các con, nên chỉ thờ **Thiên Nhãn** là thờ **Thầy**.

Tại sao Thiên Nhãn là Thầy? Thầy có dạy trước:

Nhãn thị chủ Tâm.
Lưỡng quang chủ tế
Quang thị Thần
Thần thị Thiên
Thiên giả Ngã dã

Nhãn là trái tim của con người. **Trái tim** ấy là **Tạo Hóa**, tức là **Thần**; mà **Thần** là cái **Lý Hư Vô**. **Lý Hư Vô** ấy là **Trời** vậy.

Người tu hành chừng nào luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hườn hư, luyện hư hườn vô, thì Huyền Quang Nhất Khiếu ấy mới mở hoá ra.

Huyền Quan Nhất Khiếu ấy là chi? Là **Thiên Nhãn** vậy. Nó ở ngay Nê Hườn Cung, gom trọn chơn dương chánh đạo.

Hai con mắt của các con là **nhục nhãn**, tức là **âm** với **dương**; thì cũng như **Thái Cực** là **Thiên Nhãn**, còn **lưỡng quang** là **nhật nguyệt** hằng soi sáng khắp **Càn Khôn**, cứ tuần hườn mãi, hết ngày đến đêm, hết đêm kể ngày, không bao giờ dứt sự hành tàng của **Tạo Hóa**”¹

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 46 “Cách thờ phượng”, tr.432.

1.1.3. Thánh Giáo Suu Tập (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo)

Đức Đông Phương Lão Tổ đã dạy:

*“**Thiên Nhân** tức là **Thiên Tâm** của con người. Hai ánh sáng tức là âm dương làm chủ tế. Đó là lưỡng nguyên trong lý nhất nguyên. Âm Dương phối hợp là **Thần**, tức thị lưỡng nguyên trở lại nhất nguyên.*

*Nhất nguyên là chủ tế. **Thần** là Trời, là **Chí Tôn Thượng Đế** ở trong con người của ta.”¹*

Đức Thích Ca Như Lai dạy:

“Đại Đạo không có lãnh vực, biên giới, phạm vi. Tôn giáo là một danh từ dùng để nêu cao triết thuyết của một lý siêu mẫu trong đạo lý. Nếu còn lãnh vực, còn biên giới, còn ta người, còn sai biệt, là không phải Đạo, cũng không phải Như Lai Bản Thể. Cao Đài, hay Thiên Nhân trên kia², không có biểu thị cho một hình tướng tôn giáo, mà cốt mặt khai với nhân loại rằng: Hãy trở về chỗ Cao Đài của nhân loại sẵn có, trở về cái Trí Bát Nhã – để đắc Ba La Mật, để đắc Bồ đề – tức là Thiên Nhân, Thiên Tâm, hay Phật Tánh. Nếu con người giác ngộ đến đó, tức là con người Thánh Nhân của Phật Pháp đã hiện bóng Cao Đài vô lượng vô biên.”³

Đức Bát Nhã Thiên Sư nói:

¹ Đức Đông Phương Chương Quán; Vĩnh Nguyên Tự, Tý thời, 28 rạng 29-01 Giáp Dần.

² Trong ngữ cảnh của đoạn Thánh giáo, “Trên kia” có nghĩa là trên Thiên bàn (bàn thờ Thượng Đế).

³ Đức Thích Ca Như Lai; Trúc Lâm Thiên Điện, Ngọ thời, 18-7 Quý Sửu.

“Muốn đạt chỗ sâu kín nhiệm màu kia không thể lấy cái trí hạn hẹp cạn cợt của con người mà thấy được, mà cần có Con Mắt Bát Nhã mới suốt tận pháp giới Hư Không.”¹

1.2. Tóm tắt Thánh Ý về Thiên Nhãn

Qua những đoạn Thánh giáo trên có thể tóm tắt Thánh Ý dạy về Thiên Nhãn như sau:

- Thờ Thiên Nhãn là thờ Đấng Tạo Hóa;
- Thiên Nhãn là Đức Cao Đài, tức là Thầy;
- Thiên Nhãn là Lý Hư Vô;
- Thiên Nhãn là Lý Thái Cực;
- Thiên Nhãn là Thần;
- Thiên Nhãn là Huyền Quan Nhưt Khiếu;
- Thiên Nhãn là Thiên Tâm, là Phật Tánh, là Trí Bát Nhã;
- Thiên Nhãn là con mắt Bát Nhã.

Trong những phạm vi có thể áp dụng được định luật toán học,

Nếu $A = B$,
và $B = C$,
thì $A = C$;

ta sẽ có muôn ngàn tên khác nhau để chỉ Thiên Nhãn.

Ví dụ 1:

Thiên Nhãn = Thái Cực,

¹ Đức Bát Nhã Thiên Sư; Bát Nhã Thiên Đường, 29-5 Bính Thìn.

Thái Cực = Cốc Thần,
 Vậy, Thiên Nhân = Cốc Thần.

Ví dụ 2:

Thiên Nhân = Bát Nhã,
 Bát Nhã = Diệu Quan Sát Trí,
 Vậy, Thiên Nhân = Diệu Quan Sát Trí.

1.3. Dịch nghĩa bài thơ dạy về Thiên Nhân của Đức Chí Tôn

*“Nhân thị chủ Tâm
 Lương Quang chủ tế
 Quang thị Thân
 Thân thị Thiên
 Thiên giả Ngã dã.”*

Kết hợp những Thánh Ý dạy về Thiên Nhân, bài thơ trên có thể được dịch nghĩa như sau:

Thiên Nhân là Thiên Tâm (Trái tim Tạo Hóa):

*“Nhân” là do Thiên Tâm chủ sử
 Là cội nguồn của hai thể Tịch Chiếu¹
 Quang là Thân
 Thân là Trời
 Trời là Ta vậy.*

Thiên Nhân là Thái Cực:

¹ Tịch: vắng lặng; Chiếu: sáng soi. Đức Bát Nhã Thiên Sư, Minh Lý Thánh Hội, 29-10 Bình Thôn: “*Tự do là thể Đạo, là Ngôi Vô Cực, căn cốt của Đấng Trời. Học Đạo, tu Đạo, căn cứ vào đó mà hành trì. Theo Dịch Lý mà suy ra: Vô Cực là Tịch, Thái Cực là Chiếu. Tịch Chiếu Nhất Như. Tịch không ngoài Chiếu, Chiếu không ngoài Tịch. Tịch Chiếu là thể của Tâm.*” Thánh Giáo Nguyên Bản.

*“Nhãn” là do Thái Cực chủ sử
Là Vua của hai nguồn sáng Âm Dương
Nguồn sáng là Thần
Thần là Trời
Trời là Ta vậy.*

Như vậy Thiên Nhãn là bản thể vũ trụ và con người.

2. THIÊN NHÃN LÀ BẢN THỂ VŨ TRỤ

2.1. Thiên Nhãn là Đạo, là Vô Cực – Thái Cực

Khi chưa phân Trời Đất, trong khoảng không gian mịt mịt mờ mờ chỉ có một khí Hồng Mông khinh thanh lưu hành tỏa khắp.

Không gian huyền huyền lặng lẽ ấy là Vô Cực. Vô Cực là không đầu, không đuôi, không hình, không tình, không danh. Thánh Nhơn xưa tạm gọi là Đạo.

Trong không gian Vô Cực chỉ có một Khí Hồng Mông (là khí còn lộn lạo, chưa phân biệt Âm, Dương) hay Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí (là Khí có trước khi phân Trời Đất, gọi là Khí Tiên Thiên).

“Khí Hư Vô lại phát hiện một vòng Đại Quang Minh là Thái Cực, đó kêu rằng Vô Cực một vòng O sanh Thái Cực (không mà có).”¹

¹ Đức Đại Đức Cao Tiên; 03-8 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), tr.274. Xin lưu ý: khi nói “Vô Cực **sanh** Thái Cực”, thì chữ “**sanh**” ở đây có nghĩa là một biến chuyển trong **chu trình chuyển hóa** giữa Tam Cực (Vô Cực, Thái Cực, Hoàng Cực). Xin tham khảo thêm bài “Đạo – Thượng Đế” (Nhất thể biến sinh Tam Cực), ở mục 2, chương 2 của quyển sách này.

Vòng **Đại Quang Minh Thái Cực** trong thuở Hồng Môn đó chính là nguồn sáng Đại Linh Quang, là Chơn Thần, là **Thiên Nhân** sáng soi càn khôn vũ trụ:

*“Khí Hư Vô tạo **Ngôi Thái Cực**,
Tức là ngôi **Độc Nhứt quang minh**,
Vô vi, vô ảnh, vô hình,
Thần thông quảng đại chí linh diệu huyền.”*¹

Vòng Hư Vô (tức vòng Đại Quang Minh, do Vô Cực biến sanh) có tượng một tâm điểm gọi là **Cơ**. Cơ là cái manh động đầu tiên của Lý Thái Cực trong lòng Vô Cực, trong đó Âm Dương, Thần Khí còn ôm ấp chưa phân, trong lặng lẽ (Vô Cực – Tĩnh) mà vẫn thấy, biết rõ ràng (Thái Cực – Động), nên mới nói: “*động (Thái Cực) mà chưa động (Vô Cực) tịnh (Vô Cực) mà không phải tịnh (Thái Cực)*”.²

Vô Cực khi động là Thái Cực. Thái Cực khi tịnh là Vô Cực. Vô Cực – Thái Cực là hai mặt của Bản Thể Đạo.

Vô Cực lặng lẽ là bản thể tịnh của Thái Cực. Thái Cực chiếu soi là bản thể động của Vô Cực.

Vậy Vô Cực bao quanh Thiên Nhân là bản thể thanh tịnh, lặng lẽ của Thái Cực. Thái Cực là Thiên Nhân soi sáng giữa vũ trụ bao la, là bản thể động của Vô Cực. Đức Mẹ Diêu Trì có dạy:

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), tr.436.

² Đức Bát Nhã Thiên Sư; 24-11 Ất Mão.

“Hỡi con! Nơi đâu có Thánh Thể của Thầy (Thái Cực) là đã có Mẹ bao vòng trong và ngoài ngôi Thánh Thể ấy, vì Mẹ là Vô Cực Vô Vi...”¹

Gọi Vô Cực, Thái Cực, động tịnh, ẩn hiện, trong ngoài, thật ra chỉ là một Khí Tiên Thiên Hư Vô lưu hành:

*“(...) Cơ, tức là **Khí Tiên Thiên**. Tịnh cực mạnh động; khí mạnh động là khí vẫn xoay vô tận, sanh hóa vô cùng. Nhân chỗ không tên mà có tên, là Đạo, là Thái Cực, là Tánh, là Thần. Bản Tánh và Nguơn Thần là một. Đạo Lão gọi là Thần, Thích Nho gọi là Tánh (...).”²*

Thái Cực còn được gọi là Minh Thái Cực.³

Nhứt Nguyệt khi còn là một thể chưa phân gọi là Minh Bản Thể, hay Minh Thái Cực. Gọi là Minh, vì chữ Minh trong hán tự gồm hai chữ Nhứt và Nguyệt⁴. Minh là Nhứt và Nguyệt còn hồn nhứt chưa phân. Minh là Viên Minh Diệu Giác, là Tự Tánh Chơn Như.⁵

¹ Đức Diêu Trì Kim Mẫu; Thánh Thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi.

² Đức Đông Phương Chương Quán; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 22-10 Mậu Ngọ.

³ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 3, mục 3: “*Minh khởi thì là Minh Thái Cực*”.

⁴ Đức Đông Phương Chương Quán; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 06-12 Quý Sửu:

*“Ngày nay âm dương đã ló mặt,
Nhứt Nguyệt hiệp mới sanh Minh;
Là trí nhân phải biết rõ được tường trình,
Từ vạn cổ Thiên cơ đã sắp sẵn.”*

⁵ Đạo Học Chi Nam, chương 5, tiết 3, mục 3: “*Trước thời kỳ thì, chưa có tượng hình động tịnh, nên gọi Tiên Thiên. Ta có thể tạm mượn chữ Minh làm thể Thái Cực. Chữ Nhứt Nguyệt còn hồn nhứt gọi là Minh, Minh đây là Viên Minh Diệu Giác, Tự Tánh Chơn Như.*”

Minh Thái Cực là nguồn sáng Đại Linh Quang.

Nguồn sáng Đại Linh Quang là Chơn Thần của Vũ trụ.

*“Âm Dương mạc trắc vị chi Thần – Âm Dương biến hóa không thể đo lường được gọi là Thần – đã là Thần, thì làm sao lường được? Đã là mạc trắc (không đo lường được), thì lại qua không cửa, nửa thiết, nửa hư; trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, hóa hóa sanh sanh, vô cùng vô tận.”*¹

*“Thần là cái Lý Hư Vô. Lý Hư Vô ấy là Trời vậy.”*²

Vậy, Thần là Trời (Thần thị Thiên), Trời là Ta vậy (Thiên giả Ngã dã).

Thiên Nhân là cái Ta Thiên Tánh, là Thiên Tâm bao quát vũ trụ cổ kim và trong mỗi con người.

*“Rằng **Ta** là một cái **Ta chung**,
Rộng lớn bao la ở khắp cùng,
Ta chẳng có Ta mà vẫn có,
Có Ta, Ta cũng chỉ **Tâm trung**.”*³

2.2. Thiên Nhân là Thiên Tâm, là Thượng Đế

*“Nhân là trái tim của con người. Trái tim ấy là Tạo Hóa, tức là Thần, mà Thần là cái Lý Hư Vô, Lý Hư Vô là Trời vậy.”*⁴

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 1, tiết 3, mục 2.

² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bình Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), tr.432.

³ Đức Trần Hưng Đạo; Thánh Giáo Suu Tập 1972-1973, tr.78.

⁴ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bình Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), tr.432.

Vũ trụ chỉ có một Tâm, con người chỉ có một Tâm, một Thiên Tâm, một Thượng Đế:

*“Thượng Đế cũng là Tâm, Tâm là Thượng Đế. Tâm ấy có một, phàm Thánh không hai, giác mê cũng vậy. Phật ma cũng một. Nếu hai là không thấy Đạo.”*¹

Thiên Nhãn là Trái Tim Tạo Hóa. Trái Tim Tạo Hóa là cơ quan điều động bộ máy tuần hoàn của càn khôn vũ trụ. Tim Tạo Hóa vận động thì bộ máy tuần hoàn Càn Khôn vũ trụ có sự sống. Tim Tạo Hóa ngưng lại, thì sự vận hành Càn Khôn vũ trụ bị ngưng đọng, sự chết sẽ đến với muôn loài.

Sự vận hành không ngừng nghỉ của Tim Tạo Hóa là sự biến hóa vô cùng, vô tận của *Chơn Thần* vũ trụ, được biểu tượng hóa bằng **Thiên Nhãn luôn luôn mở mắt**, chiếu hào quang rực rỡ giữa vũ trụ để soi dẫn, giám sát và điều động cơ tuần hoàn sanh hóa của Càn Khôn vũ trụ.

Cơ tuần hoàn sanh hóa Càn Khôn thế giới luôn luôn biến dịch trong trật tự hài hòa là nhờ bám vào cái gốc của Trời Đất; cái gốc này là *trung tâm điểm* (điểm cơ) của vòng Hư Vô. Cơ là cái động của bản thể Vô Cực gọi là Thái Cực, Lý Đơn Nhất hay là Trung Nhất.

Trung là Vô Cực, Nhất là Thái Cực². Trung không lia Nhất. Nhất không lia Trung.

Càn Khôn Trời Đất không lia Trung nên Càn Khôn định vị.

¹ Đức Bát Nhã Thiên Sư; Bát Nhã Thiên Đường, 18-5 Ất Mão.

² Đạo Học Chí Nam, chương 3, tiết 4, mục 2: “Minh là Trung. Trung mà không có Nhứt thì cũng như quốc thổ không có quân vương. Trung ví như **Vô Cực** là Minh, Nhứt ví như **Thái Cực** là Lý.”

Con người ở giữa Trời Đất nên con người trong thế Tam Tài.

Nhật ở giữa thì thịnh, Nguyệt ở giữa thì tròn. Điểm Trung Nhất là Cơ, là Lý, là điểm Quyền Pháp của Đạo Cao Đài.

“Quyền pháp là Cơ, là Lý, là phương định đưa tuyệt đối vào sở vật tương đối, chuyển vô thường giả tạm vào siêu nhiên bất diệt.”¹

“Điểm Quyền Pháp được chứa đựng trong Vô Cực là ngôi Thái Cực, là Thấy.”²

“Đại Từ Phụ nắm Quyền Pháp mới chuyển cơ sanh hóa vạn vật vũ trụ.”³

Quyền Pháp Đạo là cơ nguyên chuyển biến từ vô vi đến hữu hình, từ không đến có, Thượng Đế đến với con người và con người trở về Thượng Đế. Con người trở về Thượng Đế vì Thượng Đế là Bản thể, là Thiên Nhân của con người.

3. THIÊN NHÂN LÀ BẢN THỂ CỦA CON NGƯỜI

3.1. Thiên Nhân là Hoàng Cực

Vô Cực sanh Thái Cực; Thái Cực phân Âm Dương; Hoàng Cực hỗn hiệp Âm Dương sanh hóa vạn vật.

Vô Cực khi tịnh là Âm, Thái Cực khi động là Dương. Bảo hòa Âm Dương là Hoàng Cực. Ba cực khác nhau

¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

³ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Nam Thành Thánh Thất, Ngọ thời, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969); Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

nhưng cùng một bản thể là Khí Hư Vô biến hóa, động, tịnh, trung hòa để sanh hóa Trời Đất vạn vật.

Thái Cực là Lý Trung Nhất. Hoàng Cực là Khí Thái Hòa.

Vô Cực, Thái Cực là gốc lớn của Thiên Địa vạn vật. Hoàng Cực là đạo thông đạt của Thiên Địa vạn vật.

Thái Cực là Thiên Nhãn bản thể Thiên Địa vạn vật. Hoàng Cực là Thiên Nhãn trong nhân sinh.

3.1.1. Hoàng Cực ngoại giới

Hoàng Cực ngoại giới:

- Là trung tâm sự sống của thiên hạ.
- Là cán cân công bình của nhân sanh.

Hoàng Cực bảo hợp Âm Dương, điều phối Ngũ Hành, tạo sự sống hòa điệu cho vạn vật tiến hóa.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Hoàng Cực còn là một giải pháp để an trị thế giới. Giải pháp đó, giáo lý Đại Đạo gọi là thế pháp Hoàng Cực:

*“Thế pháp **Hoàng Cực** là **Thiên Lý**, là nhân tâm, là Thánh đức, là Vương đạo, tất cả đều xây dựng nên chánh pháp ổn định, thế giới càn khôn trong thời hạ nguơn mạt kiếp.”¹*

Thế pháp Hoàng Cực đưa con người đạt đến mục đích của Đạo Cao Đài là “*thế đạo đại đồng*” bằng phương cách xây dựng thế nhân hòa trên ba mục tiêu: nhân bản, an lạc và

¹ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-6 Giáp Dần.

tiến bộ, trong đó nhân bản – Thượng Đế Tính – tức Chủ Nhân Ông Hoàng Cực của con người là yếu tố quyết định. Sống nhân bản là làm sáng tỏ Thượng Đế Tính nơi mỗi con người bằng cách tự hoàn thiện hóa từ bản thân, gia đình, xã hội, tôn giáo, dân tộc, nhân loại cho đến mục tiêu cuối cùng là “*Thiên đạo giải thoát*”, là trở về nguồn cội thiêng liêng của con người xuất phát từ Đại Linh Quang Thượng Đế.

Muốn xây dựng được Hoàng Cực trong thiên hạ mỗi người phải tìm về cái đạo tự hữu của chính mình và làm sáng tỏ Hoàng Cực nội thể.

3.1.2. Hoàng Cực nội thể

*“Là ánh sáng huy hoàng của Chủ Nhân Ông Hoàng Cực.”*¹

Ánh sáng huy hoàng ấy là Thiên Nhân.

Thiên Nhân trong con người là Hoàng Cực Chủ Nhân Ông “đồng thể cùng Trời Đất, đồng nhất với Tâm chư Tổ, chư Phật”.

*“Hoàng Cực là chủ thể của Am Dương bảo hợp được lưỡng thể cương nhu, điều nhiếp không còn trong ngoài. Ấy là Huyền Quang Nhứt Khiếu.”*²

*“Huyền Quang Nhứt Khiếu ấy là chi? Là Thiên Nhân vậy. Nó ở ngay Nê Huồn Cung, gom trọn chơn dương chánh đạo.”*³

¹ Đức Vạn Hạnh Thiên Sư; Thánh Giáo Suu Tập 1970-1971, tr.56.

² Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 3, mục 3.

³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 46 “Cách thức thờ phượng”, tr.432.

Huyền Quang Nhứt Khiếu, Tiên gia gọi là Thần Khí huyết, là nơi hội tụ của Âm Dương, Thần Khí. Huyền Quan Nhứt Khiếu ở Nê Huồn Cung là Cao Đài, là Thiên Môn của con người:

“Cao Đài là Tâm của vũ trụ, là Thần, là gốc của con người. Cái có tên mà không tên, vì muôn loài vạn vật đều sanh ra bởi đó, mà đó không bởi đâu sanh.”¹

“Chữ Cao Đài là chi? Là Côn Lôn đánh hay Nê Huồn, thuộc về thượng giới (...) Thiên Môn là chi? Là cái khiếu Nê Huồn Cung đó.”²

Thiên Môn là cửa Trời. Muốn tu chứng đắc, con người phải mở được cánh cửa Trời đó, linh hồn mới có thể nhập vào cõi thiêng liêng hằng sống.

Thiên Nhãn trong con người là Chủ Nhơn Ông Hoàng Cực, là chủ nhân của tòa Cao Đài nội tại. Tòa Cao Đài nội tại này được xây bằng Thần linh hoạt mà vật liệu xây là Khí thể Tiên Thiên (tức là Khí Hư Vô của Vô Cực) và tinh hoa Lưỡng Cực (là Âm Dương trong Thái Cực).³

Nói cách khác: Tòa Cao Đài nội tại chỉ được xây dựng bằng sự hợp nhất Âm Dương Thần Khí Tiên Thiên của con

¹ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29-8 Quý Hợi.

² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 28-8 Bình Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 34 “Thập tự tam thanh”, tr.322.

³ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy: “Chư đệ muội muốn xây đắp tòa Cao Đài huyền nhiệm, vĩnh cửu thì phải triệt thoái những ý thức sai biệt, yêu ghét, thân thù, phiền não, kinh cụ, để Thần được linh hoạt mà đem Khí Thể Tiên Thiên, tinh hoa Lưỡng Cực xây đắp nên ngôi Cao Đài nội tại của chư đệ muội được.” Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 29-3 Mậu Ngọ.

người. Âm Dương, Thần Khí hiệp nhất là Thiên Nhân trong mỗi con người.

Thiên Nhân là Tâm của Trời mà cũng là Tâm của con người. Trời gọi là Thiên Tâm, Người gọi là Chơn Tâm. Gọi là “Chơn” để phân biệt với chữ “Thiên” của Trời, chớ thật sự Thiên Tâm là Chơn Tâm, mà Chơn Tâm và Thiên Tâm đều là Tâm của Thượng Đế trong Càn Khôn vạn vật.

3.2. Thiên Nhân là Chơn Tâm

Nhãn thị chủ tâm: Là cái thấy, nhìn, biết,... của lục căn con người. Tôi nhìn thấy, tôi nghe thấy, tôi ngửi thấy, tôi nếm thấy, tôi sờ thấy, tôi cảm thấy đều do *Chơn Tâm chủ sử*.

Lục căn – mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (chơn ý) – khi chưa có *ý thức* xen vào thì là cái nhìn, cái nghe, cái thấy của tự tánh Chơn Tâm, do *Chơn Ý* chủ động nên chưa có dục vọng xen vào; thấy mà như không thấy, nghe mà như không nghe (Thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn), thấy sắc không ham, nghe tiếng không đắm. Tâm không phân biệt ta, người thì tâm không động. Tâm không động là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì tâm, tánh đều không. Tâm tánh đều không thì Thần minh xuất hiện. Thần minh là sự sáng của Tâm con người. Sự sáng là Minh, “Con Người” là ngôi Hoàng Cực, là Ngôi Ba trong Tam Cực – Vô Cực, Thái Cực, Hoàng Cực – nên ánh sáng nội tại của con người gọi là Minh Hoàng Cực¹.

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 3, tiết 3, mục 3: “Minh khởi thì là Minh Thái Cực; Minh hoàn nguyên là Minh Hoàng Cực”; “Hoàng Cực là một thể tổng hợp, con đường quy căn phục mạng, chứng nhập chơn lý (...)”

Minh Hoàng Cực là sự hòa hợp của hai năng lực Âm Dương, Thần Khí trong con người. Âm Dương, Thần Khí là lưỡng quang của con người. Thế nên:

Lưỡng quang chủ tế (Minh Hoàng Cực): Là ánh sáng Tiểu Linh Quang của con người phát sinh khi Tâm thanh tịnh, Thần Khí hiệp nhưt.

*“Tâm thức lặng lẽ, sẽ phát hiện Linh Quang. Linh Quang là Thượng Đế nội tại.”*¹

Quang thị Thần: Linh Quang đó là Nguyên Thần, là điểm Tiên Thiên mà Thượng Đế ban cho mỗi con người khi sanh vào trần thế tu học, tiến hóa và trở về cùng Thượng Đế (Minh Hoàn Nguyên).

*“Cõi hậu thiên thân sanh vào đó,
Điểm Tiên Thiên sẵn có nơi thân,
Là Mầm Sống, là Nguyên Thần,
Là Trời, là Đạo, là Nhân của Người”*²

Thần thị Thiên: Thần là Trời, điểm Nguyên Thần, ấy là Thiên Tâm, là Phật Tánh, là Thái Cực của mỗi con người.

Thiên giả Ngã dã: Trời là Ta; Ta là con Trời, là Tạo Hóa trong Tạo Hóa. Cái Ta bản ngã của con người, khi lìa vọng niệm, giữ tâm thanh tịnh, không chấp ta, chấp người, không tâm, không cảnh, thì cái Ta bản ngã đó cũng chính là **cái Ta Thiên Tánh, Phật Tánh.**

¹ Đức Đông Phương Chương Quân; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 10-5 Bính Thìn.

² Đức Vô Cực Từ Tôn; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 13-8 Kỷ Mùi.

Mỗi con người đều có Thiên Nhân, đều có Tánh Phật, đều có Chơn Tâm. Nhưng do tác động của ý thức mà lục căn biến thành lục thức.¹

Ý thức là tư tưởng phân biệt, so đo, khôn ngoan, tính toán khôn lường. Do ý thức, mà lục căn trở thành lục thức. Muốn diệt mầm tình thức. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

“Phải cố gắng tu luyện dày công, diệt trừ vọng niệm, chuyển lục thức trở về lục căn cho thanh tịnh. Chế Âm, phục Dương cho điều hòa, thì Tam Bửu Ngũ Hành đều quân bình tiết độ.”²

Đó chính là Tân Pháp Cao Đài đã được Đức Chí Tôn bí truyền qua Thiên Nhân.

4. THIÊN NHÂN LÀ TÂN PHÁP CAO ĐÀI

Trong Thánh giáo dạy tại sao Đạo Cao Đài thờ Thiên Nhân Đức Chí Tôn có dạy:

“Thầy đến đặng huòn nguyên Chơn Thần cho các con đấng Đạo. Con hiểu “Thần cư tại nhân”. Bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ nguồn cội Tiên Phật do yếu nhiệm là tại đó.”³

Như vậy cứu cánh của Tân pháp Cao Đài là “huòn nguyên Chơn Thần” để đạt đến “Thiên đạo giải thoát”.

¹ Lục căn bao gồm nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn (chữ “căn” ở đây có nghĩa là cội rễ, nền tảng). Lục thức bao gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

² Đức Đông Phương Lão Tổ, 24-01 Đinh Tỵ.

³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25 Février 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.12.

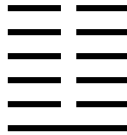
Huần nguyên Chơn Thần là đem Thần hiệp với Khí cho Âm Dương hòa hiệp. Thầy dạy:

*“Đạo Thầy không chi lạ; Âm với Dương, Thần với Khí không ngoài ra lẽ đó. Các con muốn rõ Đạo thì dùng Âm, Dương là căn cơ vậy.”*¹

Muốn Âm, Dương, Thần Khí hòa hợp phải dụng chìa khóa Thầy ban cho là “Cơ tại mục”.

Nơi Trời Đất, “**Cơ**” là Thái Cực, là một điểm • Dương vừa mới động, từ trong bản thể thanh tịnh Vô Cực.

Ở con người, “**Cơ**” là một hào dương vừa động của quẻ Phục theo kinh Dịch:



Điểm cơ này chỉ xuất hiện khi ngũ căn (mắt, tai, mũi, miệng, thân) thanh tịnh, thì Chơn Ý lưu hành. Ngũ căn là năm hào âm của quẻ Phục, Chơn Ý là **Cơ**, là hào dương của quẻ Phục, là Thiên Địa Chi Tâm (Tâm Trời Đất), tức là Chủ Nhơn Ông Hoàng Cực, là Chơn Tâm của con người.²

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 01-9 Bình Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 10 “Nền tảng Cao Đài Đại Đạo”, tr.90.

² Đức Trần Hưng Đạo; Minh Lý Thánh Hội, 06-11 Bình Thìn: “*Chúng ta nên căn cứ vào quẻ Phục mà hạ công lập địa hàm dưỡng Chơn Nguyên. Phục có nhiều nghĩa, nghĩa nguyên thủy của nó là “không kiếp chi tiền, Âm hàm Dương dã”, hư linh tịch chiếu, nên ta thấy tượng Quẻ một dương nằm dưới năm Âm, có thể suy luận cái Lý Nhất Dương này là một điểm sinh Cơ tiềm phục, là Chơn Ý, là Tịnh Cơ gồm có năm âm là: mắt, tai, mũi, miệng, thân, ngũ quan thanh tịnh, Chơn Ý sáng soi chơn hành giả gãm đó mà làm công án tu trì.*”

Muốn lục căn thanh tịnh phải định tâm. Muốn định tâm, giữ tâm thanh tịnh phải dụng Tân Pháp Thầy ban cho con cái của Thầy trong Tam Kỳ Phổ Độ là “*Nhãn thị chủ tâm.*”

Thiên Nhãn là sự thấy, biết do Tâm chủ sử.

Sự thấy biết đây, không chỉ thấy ngoài mà còn biết trong:

“*Ngoài Trời Thượng Đế bao la (Thượng Đế ngoại tại),
Trong lòng vạn tượng cũng là Chí Tôn (Thượng Đế nội tại).*”¹

Thượng Đế và con người có liên quan mật thiết từ ngoại giới đến nội tâm.

Đạo Cao Đài thờ **Thiên Nhãn chiếu soi** giữa vũ trụ bao la là nguồn sáng tâm linh màu nhiệm giúp mỗi tín đồ Cao Đài tự minh tâm để hiệp nhất cùng Đức Thượng Đế Cao Đài.

4.1. Ngoại quán

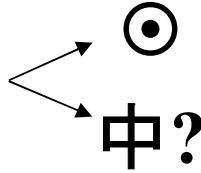
Ngoại quán là nhìn Thiên Nhãn thờ trên Thiên Bàn (Thượng Đế ngoại tại).

Cấu trúc ngoại hình của Thiên Nhãn:

- Vòng Vô Cực bao vòng quanh Thiên Nhãn tượng trưng Khí Hư Vô (Thượng Đế Vô Ngã);

- Thiên Nhãn:

¹ Đức Quảng Đức Chơn Tiên; Minh Lý Thánh Hội, 07-6 Tân Dậu.



Lý Thái Cực

Lý Trung Nhất

Mỗi ngày, mỗi người tín đồ Cao Đài cúng tứ thời, khi cúng hai mắt nhìn lên Thiên Nhãn, đó là **ngoại quán**.

Mắt người – một con bên trái gọi là Dương, con bên phải gọi là Âm – nhìn thẳng lên một con “Mắt Trời”; đó là phép “Luồng Quang đắc Nhưt”, nghĩa là hai ánh sáng Âm Dương hợp nhất. Âm Dương hợp nhất là Thái Cực, là Thần, là Thiên Nhãn. Lúc đó mỗi người chúng ta với tâm chí thành, chí kính sẽ cảm nhận “Mắt Trời” nhìn lại ta; đó là phép “Hồi Quang phản chiếu”. Ta sẽ thấy thần giao cách cảm: Con ở trong Thầy và Thầy ở trong Con. Đó là công phu ngoại quán định thần, điều tâm cho đạt được kết quả: Thầy và Con là một, Thiên Nhãn và Ta là một.

4.2. Nội quán

*“Luyện thuốc kim đơn rõ Đạo màu,
Thành Tiên tác Phật tại song mâu,
Âm Dương toàn ản cơ tại mục,
Thần Khí thông linh tại thượng đầu.”¹*

“Âm Dương là cơ động tịnh của Trời Đất tức là Thần Khí của các con.”¹

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 46 “Cách thờ phượng”, tr.432.

Song mâu là hai luồng ánh sáng của hai mắt của con người hợp lại. Mắt bên trái là Dương (Nhật), mắt bên phải là Âm (Nguyệt). Âm Dương, Nhật Nguyệt hợp nhất là Minh:

*“Muốn đắc Minh phải dùng phép tụ quang khai Thiên mục (cơ tại mục). Hai mắt nhìn duy nhất vào một điểm mi tâm (điểm ở giữa hai chơn mày) thì Chơn Khí không còn phóng tán, Thần được yên, vọng thức khó sanh. Phép tụ quang là bước đầu của sơ cơ để hồi quang phản chiếu vào Trung Huỳnh (Thái Cực), đặt Nhân tạng vào đây thì hai khí nơi tâm, thận triều viên (kết), Khảm Ly giao hội, Thủy Hỏa Ký tế, Long Hồ quy châu.”*²

Khảm Ly, Thủy Hỏa, Long Hồ, là Âm Dương. Âm Dương hợp nhất là Minh, là Thần:

*“Âm Dương phối hợp là Thần, tức thị **Lưỡng Nguyên** trở lại **Nhất Nguyên**. Nhất nguyên là chủ tử. Thần là Trời, là Chí Tôn Thượng Đế ở trong con người của ta [Thượng Đế nội tại].”*³

Thiên Nhân là Thiên Tâm, là Thần. *“Nguồn cội Tiên Phật, cơ yếu nhiệm là tại đó”*. Thần linh ứng biến hóa vô cùng. Thần ở thân thì thân sống, Thần lìa thân thì thân chết. Có Thần là có Khí. Khí Tiên Thiên là Mẹ của Thần. Khí còn thì Thần chẳng tán. Khí tuyệt thì Thần tan. Đem Thần soi rọi vào trong Tâm thì Tâm thanh tịnh.

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20-9 Bình Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 46 “Cách thờ phượng”, tr.434.

² Đạo Học Chi Nam, chương 5, tiết 3, mục 3.

³ Đức Đông Phương Chương Quân; Vĩnh Nguyên Tự, Tý thời, 28 rạng 29-01 Giáp Dần.

Tâm thanh tịnh thì Thần minh phát hiện, Thiên Nhãn sáng soi; Lục thức trở về lục căn, vọng tâm biến thành Chơn Tâm, Ngũ Hành hiệp nhất, Chơn Ý xuất hiện, Chơn Khí lưu hành, Âm Dương hòa hiệp, Thần Khí khắng khít; Tinh hóa Khí, Khí hóa Thần, Thần hườn Hư, Hư hườn Vô; Vô là Vô Cực Tiên Thiên Khí, là Ngôi Trung, là Đạo, bản thể của Thầy và chúng sanh.

Nơi người, ngôi Trung là Nê Hườn Cung ở đỉnh đầu có Khiếu Huyền Quan. Người tu đắc Đạo, Thần Khí hiệp nhất, đắc Kim Đơn, thì Huyền Quan khiếu sẽ khai, Thiên môn sẽ mở cửa và con người hiệp nhất cùng Thầy. *“Thầy là các con, các con là Thầy”*¹.

5. KẾT LUẬN

Đạo Cao Đài thờ Thiên Nhãn hay “Mắt Trời”, là một **Mắt trái mở sáng**, tượng trưng Đấng Cao Đài vô hình, là Cha chung vạn loại. Vũ trụ chỉ có một Đạo, một Tâm, một Đấng Cha Trời. Nên Mắt Trời chỉ có Một. Một để diễn tả **cái nhìn nhất quán, nhất lý**. Mắt Trời là cái nhìn Tuyệt Đối Thể, cái nhìn mang tinh thần Đại Đạo, vượt lên Không và Có, không chấp Không cũng không chấp Có:

*“Chấp Không, chấp Có, thiên tà,
Lìa Không, bỏ Có, cũng là bàng môn”*²

Con Mắt Trái tượng trưng mắt Trời. Trái là Dương, là Bản thể động, là rộng, là mở. Mắt Trời luôn mở rộng, chiếu sáng giữa vũ trụ bao la để giám sát, điều động bộ máy tuần

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 20 Février 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.8.

² Đức Bát Nhã Thiên Sư; Minh Lý Thánh Hội; Giáo Huấn Khuyến Tu Thi Văn, quyển Thượng, tr.33.

hoàn của vũ trụ vạn loài, ở mọi nơi, mọi dân tộc, mọi tôn giáo, mọi thời kỳ trong tình thương yêu của Đấng Cha Lành. Do đó **Mắt Trời thể hiện tính đại đồng, phổ quát và vĩnh cửu.**

Mắt Trời là Thiên Tâm, là Chơn Thần của vũ trụ. Ở người, hai mắt “Lưỡng Quang” là cửa ngõ của tâm hồn, cũng là Linh Quang mà Trời ban cho, giúp mỗi người công phu hiệp Âm Dương, Thần Khí bằng cách giữ Tâm thanh tịnh, chuyển lục thức về lục căn. Khi Tâm thanh tịnh, thì Trời Đất, Âm Dương, Tánh Mạng, Thần Khí đều trở về một Tâm, về Thiên Nhãn nội tại trong mỗi người.

Lúc đó “Mắt Thầy và mắt Con là Một”, “Thầy là các con, các con là Thầy”.

Lúc đó, Thiên Nhãn chính là cái Ta Thiên Tánh, là Tâm Vũ Trụ, Tâm Trời:

*“Muốn cho Tâm, Đạo huyền đồng,
Thiên Nhân hiệp Nhất, cộng thông điều hòa.
Tâm đừng nghĩ chánh hay tà,
Không lành, không dữ, không ta, không người.
Đó là Tâm thật ai ơi!
Thật Tâm Vũ Trụ, Tâm Trời, Phật, Tiên.”¹*

¹ Đức Quan Âm Bồ Tát, Chơn Lý Đản (Vạn Quốc Tự), Tuất thời, 01-4 nhuận Giáp Dần.

MỤC 4

QUYỀN PHÁP

Trong cơ tậ độ kỳ ba, chính Đức Chí Tôn Thượng Đế nắm quyền Giáo chủ, lập một nền tôn giáo tại đất nước Việt Nam để khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Sự sáng lập đạo Cao Đài trong thời kỳ này có ý nghĩa rất đặc biệt. Đó là sự gieo hạt giống tinh ròng trên mảnh đất được chọn để có đủ điều kiện cho một đại thụ đơm bông kết quả ở tương lai. Hạt giống đó, đối với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chính là mầm mống Quyền Pháp Đạo.

Tôn giáo Cao Đài là một thực thể của Quyền Pháp Đạo giữa các tôn giáo và giữa thế giới nhân loại. Người hướng đạo Cao Đài là người nhận lãnh sứ mạng Quyền Pháp từ Đức Chí Tôn Thượng Đế, để phát huy quyền năng vận hành cơ đạo, cải hóa nhân tâm và hoàn thiện xã hội.

1. Ý NGHĨA TỔNG QUÁT CỦA QUYỀN PHÁP

1.1. Định nghĩa

Quyền là năng lực của một chủ thể có đủ điều kiện tác động vào một hay nhiều đối tượng là thực thể, vật loại, tổ chức, tập thể hay cá nhân con người.

Pháp là trật tự, quy luật, cơ chế, theo đó chủ thể lẫn đối tượng phải tuân thủ để vận động đạt đến cứu cánh.

Quyền Pháp, theo nghĩa phổ quát nhất, là động năng hay tiềm năng siêu nhiên bất diệt ở trong bất cứ chủ thể nào trong vũ trụ, đang vận động điều khiển, điều hòa sự sanh hóa và điều độ sự tiến hóa của vạn vật.

Như thế, Quyền Pháp là đạo lý, là nguyên lý, theo đó mọi vật loại đã được đặt định để hoàn thành một sứ mạng.

Quyền Pháp là Đạo, vì Quyền Pháp vận hành theo Thiên cơ.

Đối với vũ trụ trước thời tạo Thiên lập Địa, “*điểm Quyền Pháp được chứa đựng (trong Vô Cực) là ngôi Thái Cực, là Thầy.*”¹ “*Đại Từ Phụ nắm Quyền Pháp mới chuyển cơ sanh hóa vạn vật vũ trụ*”², để vũ trụ từ Bản thể tiềm ẩn chuyển thành thực tại sinh động biến hóa không ngừng.

“*Chính Quyền Pháp nằm trong sở vật thực tại chuyển biến và hóa sinh vạn loại. Cũng chính nhờ đó mà không vật nào biến mất, và cũng không có gì là tân tạo.*”³

¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

³ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

Đối với bản thân con người, “điểm Quyền Pháp là linh hồn. Nhờ đó mà (con người) sinh ra, trưởng thành, và có thể tiến hóa đến mức đôi phàm thành Thánh, thay tục hóa Tiên được.”¹

Đối với tha nhân, “Quyền Pháp đạo không là điều cai trị. Quyền Pháp đạo chính là sự thương yêu, giải thoát cai trị để tiến hóa.”²

Đối với tôn giáo, Quyền Pháp là nhân tố “thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể đạo cứu thế.”³

Tóm lại:

“Quyền Pháp là Cơ, là Lý, là phương định đưa tuyệt đối vào sở vật tương đối, chuyển vô thường giả tạm vào siêu nhiên bất diệt.”⁴

“Sở vật thực tại được tạo thành và biến sanh đều do Quyền Pháp.”⁵

1.2. Những đặc điểm của Quyền Pháp

Quyền Pháp là công năng của Đạo mà chủ thể được phú bẩm như sự sống của vạn vật, hay được trao phó như sứ mạng của một nhân vật.

Đối với Đức Chí Tôn, Ngài là Đấng Chúa tể Càn Khôn, quyền của Ngài là tuyệt đối, nhưng Quyền Pháp cứu độ của Ngài cũng đặt ở trọng điểm Thiên nhân hiệp nhất:

“Cao Đài, chỗ Thiên nhơn hiệp nhất,

¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.88-89.

² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.88-89.

³ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.88-89.

⁴ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.88-89.

⁵ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.88-89.

Tá danh, hậu cứu vớt vạn linh."¹

Quyền Pháp luôn luôn đi đôi với sứ mạng của chủ thể. Có sứ mạng, đương nhiên có Quyền Pháp. Ngược lại, Quyền Pháp được ban trao mỗi khi sứ mạng được đặt để.

Quyền và Pháp là hai chiều vận động của chủ thể: một chiều tác động vào đối tượng, chiều kia thỏa ứng yêu cầu thăng tiến của đối tượng. Đó là tính Trung đạo của Quyền Pháp.

Quyền Pháp là sự sống và tình thương. Quyền Pháp không để đề cao ngôi vị của chủ thể mà để chuyển hóa, tạo dựng và hoàn hảo cho đối tượng (vong kỹ vị tha)

Quyền Pháp không dành riêng cho đẳng cấp nào hay chức vụ nào trong cõi vô vi cũng như hữu hình. Mỗi cá thể chúng sanh đều có Quyền Pháp tương ứng với sở dụng.

Quyền Pháp chỉ có hiệu năng khi được vận dụng phù hợp với Thiên cơ, hợp Đạo và lẽ sống.

Người chấp trì Quyền Pháp là người thọ mệnh của cấp trên và điều độ cấp dưới. Nếu đối với trên không thuận tòng, đối với dưới không tương đắc thì hành động không còn Quyền Pháp nữa.

2. QUYỀN PHÁP CAO ĐÀI TRONG TAM KỶ PHỔ ĐỘ

2.1. Vai trò Quyền Pháp của đạo Cao Đài

Thế giới ngày nay đang ở trong giai đoạn cuối của chu trình Tam nguồn. Đó là một sở vật thực tại đang biến dưỡng. Nếu không có điểm Quyền Pháp bên trong để làm

¹ Đức Ngô Minh Chiêu; Thánh Giáo Suu Tập 1966-1967, tr.41.

mầm sống, thì quá trình biến dưỡng này sẽ đưa thế giới đến chỗ tự hủy diệt.

Bởi thế, khai mở cơ cứu độ kỳ ba, trước tiên Đức Thượng Đế lập tôn giáo Cao Đài để làm điểm Quyền Pháp. Tôn giáo này phải đạt đến khả năng *“thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo cứu thế trong Tam kỳ phổ độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.”*¹

Trong sứ mạng thực thi Quyền Pháp, Cao Đài giáo chỉ đóng vai trò tác năng chuyển hóa chứ không có mục đích độc tôn giữa các tôn giáo trên hoàn cầu. Mỗi tôn giáo đều phải có Quyền Pháp Đạo mới trở thành một thực thể Đạo cứu thế thuần chánh.

*“Quyền Pháp không giao cho riêng ai, cho xã hội nào, cho tôn giáo nào. (...) Tùy tâm ý mà đạt định, tùy sứ mạng mà nhận lãnh. Quyền Pháp là Thầy, là Đạo, là động năng thúc đẩy tạo thành thánh đức sau hội Long Hoa. (...) Trong sở vật thực tại tôn giáo trên thế giới, tất cả tôn giáo từ xưa nay đang biến dưỡng tranh chấp để tiến hóa (...)”*²

Để có được Quyền Pháp Đạo, các tôn giáo phải quy hiệp tinh thần trong một giáo lý thuần nhất của Đại Đạo, chứ không phải quy hiệp các hệ thống tổ chức hiện hành của mình về hệ thống tổ chức của tôn giáo Cao Đài.

Muốn các tôn giáo trở thành những *“động năng thúc đẩy”* nêu trên, Cao Đài đã đề ra tôn chỉ *“Tam giáo quy nguyên”* và nguyên lý *“Thiên nhân hiệp nhất”* trong cơ Đạo.

¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.90.

² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88.

Tam giáo quy nguyên. Đức Chí Tôn quy nguyên Tam giáo, lập thành Đại Đạo cũng chính là thiết lập *Quyền Pháp Cao Đài*. Bởi vì Tam giáo phát sinh từ Đại Đạo để giáo hóa chúng sanh trong Nhứt kỳ và Nhị kỳ phổ độ theo ba đường lối Nho, Lão, Thích tùy theo căn cơ và xu hướng con người. Ngày nay, đến thời kỳ tận độ hạ nguơn, là cơ cứu độ cuối cùng, Đức Chí Tôn quy nguyên Tam giáo thành một *pháp môn duy nhứt* tức Tân pháp Cao Đài, có khả năng cứu độ toàn diện, là “*Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát.*”

Quy nguyên được Tam giáo thì chánh pháp sáng tỏ, bởi vì chánh pháp thị hiện ra ở chỗ đặc nhất của Tam giáo. Từ đó vạn giáo sẽ thấy sáng tỏ cương vị của mình trong chánh pháp và góp phần lập thành hệ thống đạo pháp thống nhất, tức “*Ngũ chi phục nhứt.*”

Thiên nhân hiệp nhất. Thiên nhân hiệp nhất chính là Quyền Pháp tối thượng của Cơ cứu độ kỳ ba, đã trở nên nguyên lý khai đạo, hoằng đạo, đặc đạo của Đại Đạo thời Hạ nguơn.

*“Thầy sắp cuộc dinh hoàn tái tạo,
Dụng huyền linh Đại Đạo vận hành;
Quyền Thầy hiệp cả vạn linh,
Đông Tây kim cổ lập thành tương lai.”¹*

Chính sự hiệp nhứt giữa Thượng Đế với chúng sanh nơi Thiên lý phản bản hoàn nguyên của vũ trụ sẽ làm nên Quyền Pháp cứu độ Kỳ ba cho thế gian này.

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 9 giờ đêm, 15-02 Quý Hợi.

Một khi có sự hiệp nhất giữa Nhân và Thiên nơi tâm linh người Thiên ân, là lúc Quyền Pháp được ban trao để tiến hành sứ mạng:

*“Chính sự giao tiếp giữa tâm con và Thánh ý mới làm nên sứ mạng Thiên ân, để vận hành theo Thiên lý, cứu độ quần sanh.”*¹

Như thế Quyền Pháp Đạo không mông lung mà là sự vận dụng Thiên lý, Thiên cơ tại thế gian bởi người thực hành Thiên đạo:

*“(…) Thiên nơn hiệp nhứt, sứ mạng của Trời sẽ được sáng giá nhờ những bàn tay của thế nhân hoặc ngược lại.”*²

Về mặt đạo pháp, Quyền Pháp chính là Chơn Thần của Đức Chí Tôn từ bị phú bẩm cho con cái Ngài trong kỳ ba tận độ này, nhờ đó mới có thể tu hành đắc đạo được. Ngài đã dạy:

*“Thần là khiếm khuyết của cơ màu nhiệm từ ngày đạo bị bé. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, **duy Thầy cho Thần hiệp Tinh Khí** đặng hiệp đủ Tam Bửu là cơ màu nhiệm siêu phàm nhập thánh.”*³

và:

¹ Đức Diêu Trì Kim Mẫu; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hội thời, 15-4 Kỳ Mùi.

² Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, Tuất thời, 30-3 Quý Sửu.

³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25 Février 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.12.

“Thầy đến đặng hoàn nguyên Chơn thân cho các con đắc đạo.”¹

2.2. Sự thiết lập Quyền Pháp trong Hội Thánh Cao Đài

Buổi sơ khai của Đạo, khi Đức Chí Tôn ban Pháp Chánh Truyền để lập Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Quyền pháp đã được Ngài đặt để một cách hết sức tinh nghiêm giữa Tam Đài, giữa các chức sắc, và rất mực thượng tôn mục đích phổ độ vị nhân sanh.

Quyền Pháp giữa Tam Đài. Bát Quái, Hiệp Thiên và Cửu Trùng, mỗi Đài đều có Quyền Pháp trong lãnh vực đảm trách. Nhưng Quyền Pháp của Hiệp Thiên Đài đặc biệt điển hình cho công năng vận hành Đạo pháp từ Bát Quái Đài để tác động vào đối tượng Cửu Trùng Đài, rồi đến lượt đối tượng thi hành sứ mạng chuyển hóa nhân sanh và sau cùng trở về hiệp nhứt với Bát Quái Đài sau khi thành đạo. Nên Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã xác định vai trò Quyền Pháp trung gian hệ trọng của Hiệp Thiên Đài rằng:

“Hiệp Thiên Đài nắm giữ Quyền Pháp, mới đưa Cửu Trùng Đài vào Bát Quái, chuyển lý hành tàng của Bát Quái vào Cửu Trùng.”²

Vai trò tối yếu ấy của Hiệp Thiên Đài không phải chỉ do quyền hạn của chức sắc Hiệp Thiên Đài tại thế gian mà có, nhưng bởi:

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 25 Février 1926; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, tr.12.

² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

*“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự, cầm quyền Thiêng Liêng mới Đạo. Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn.”*¹

Điều đó cho thấy Quyền Pháp dù cao trọng đến đâu cũng là sự thọ nhận chấp trì thượng lệnh, đồng thời thi thố quyền năng pháp độ thực hiện sứ mạng, chứ không phải đơn phương tự phát.

Quyền Pháp giữa các chức sắc Hội Thánh. Có thể chọn Quyền Pháp của Đầu Sư làm điển hình. Theo Pháp Chánh Truyền, Đầu Sư là người *“đặng quyền thay mặt cho Giáo Tông và Hộ Pháp trước mặt nhơn sanh”*² để *“cai trị phần đạo và phần đời của chư môn đệ Chí Tôn”*³. Nhưng Đầu Sư *“chẳng đặng phép tự ý riêng mình mà thi thố điều chi không có lệnh của Giáo Tông và Hộ Pháp truyền dạy.”*⁴

Ý nghĩa của Quyền Pháp càng nổi bật qua hai khoản quan trọng trong Pháp Chánh Truyền đối với quyền hành của Đầu Sư:

*“Chúng nó [Đầu Sư]⁵ phải tuân mạng lệnh của Giáo Tông, làm y như luật lệ của Giáo Tông truyền dạy.”*⁶

¹ Pháp Chánh Truyền, phần “Hiệp Thiên Đài”, tr.51.

² Pháp Chánh Truyền, phần chú giải Pháp Chánh Truyền về “Quyền hành Đầu Sư”, tr.11.

³ Pháp Chánh Truyền, phần nguyên văn của Pháp Chánh Truyền về “Quyền hành Đầu Sư”, tr.10.

⁴ Pháp Chánh Truyền, phần chú giải Pháp Chánh Truyền về “Quyền hành Đầu Sư”, tr.11.

⁵ Chữ “chúng nó” trong nguyên văn của Pháp Chánh Truyền đều là do Đức Thượng Đế Chí Tôn sử dụng.

⁶ Pháp Chánh Truyền, phần nguyên văn của Pháp Chánh Truyền về “Quyền hành Đầu Sư”, tr.12.

“Như thăng luật lệ nào nghịch với sự sinh hoạt của nhơn sanh thì chúng nó đặng cầu xin hủy bỏ.”¹

Như thế, đối với trên thì *tuân mạng*, đối với dưới phải *vị nhơn sanh*. Đó là Quyền Pháp của bậc Chức Sắc hay trang Hướng Đạo.

Nhưng Quyền Pháp còn phải rất phân minh giữa những người đồng sự với nhau. Như trong Pháp Chánh Truyền, về quyền hành Chánh Phối Sư, được chú giải như sau:

“(…) Người nắm trọn quyền hành sự nơi tay, chỉ từng lệnh Đâu Sư phân dạy thế nào thì phải tuân theo thế ấy; chẳng đặng cải mạng lệnh tự mình chế biến; nhứt nhứt đợi lệnh Đâu Sư, song Đâu Sư cũng không đặng phép giành quyền hành sự của ba vị ấy. Hễ Đâu Sư lấn quyền hành sự mà không do nơi Chánh Phối Sư thì là quá quyền mình, ắt phải phạm Pháp Chánh Truyền.”²

3. QUYỀN PHÁP CỦA NGƯỜI SỨ MẠNG

Ở đâu có sự đặt đê cứu thế độ đời, ở đó có sự hiện hữu của Quyền Pháp. Nhận lãnh Quyền Pháp mà không thi hành sứ mạng thì không thể hiện được Quyền Pháp; ngược lại, nhận lãnh sứ mạng mà không chấp trì Quyền Pháp thì sứ mạng không hoàn thành.

Đối với người sứ mạng, Quyền Pháp là khả năng vận dụng nguyên lý Đạo vốn hằng hữu trong Bản thể tâm linh của chính mình để tác động vào đời sống nhân sinh và tâm

¹ Pháp Chánh Truyền, phần nguyên văn của Pháp Chánh Truyền về “Quyền hành Đâu Sư”, tr.12.

² Pháp Chánh Truyền, phần chú giải Pháp Chánh Truyền về “Quyền hành Chánh Phối Sư”, tr.15.

linh của tha nhân, hầu cứu độ tha nhân. Ở đây, Quyền Pháp chính là sự dụng công của một chủ thể, là sự phát huy khả năng chủ sử của tâm linh trong sứ mạng cải hóa quần sinh.

“Quyền” hay “Pháp” thật ra cũng chỉ là một. Sở dĩ có sự phân biệt là do có sự khác nhau ở đối tượng tác động của tâm linh chủ thể. *“Quyền là hình thức thể hiện trước đối tượng, Pháp là thể hiện trước bản thân”*¹.

Nói cách khác, khi người sứ mạng vận dụng khả năng chủ sử của tâm linh để tự thánh hóa chính mình hầu có thể hành động với tinh thần của một Thiên sứ, thì khi đó cái Đạo, cái Tâm được thể hiện thành cái Pháp; còn khi vận dụng khả năng ấy cứu độ tha nhân, thì Đạo (Tâm) được thể hiện thành Quyền.

Quyền là tình thương, Pháp là sự sống. Thật vậy, gọi Pháp là sự sống vì đạt được Pháp chính là nắm được quy luật tồn tại và tiến hóa trong càn khôn vũ trụ; còn gọi Quyền là tình thương vì đạt được Quyền chính là đạt được khả năng giáo hóa, cứu độ tha nhân, thể hiện được tình Tạo Hóa mà Trời đất đã vận dụng trong cuộc điều hành vạn vật.

Có thể nói nguồn gốc của Quyền Pháp phát xuất từ Đạo pháp:

“Quyền Pháp cũng là Đạo pháp. Đạo pháp là Quyền Pháp. Người hướng đạo, lãnh đạo phải học cho tinh vi, quán triệt cái quyền để chấp pháp được nghiêm minh, cũng

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 4, tiết 4, mục 1.

như người tu luyện phải hiểu thấu được cái điểm Đạo duy nhất mới hành được cái pháp.”¹

Thế nên, muốn chấp trì được Quyền pháp, điều quan trọng là phải đắc được cái Pháp. Đắc được Pháp thì đương nhiên chấp được Quyền. Nếu chỉ có Quyền mà không có Pháp, thì Quyền không còn tác dụng cứu độ tha nhân nữa:

“Có Quyền không có Pháp, không đưa con người đi về đâu; trái lại, sẵn sàng xô ngã con người vào lạc làm u tối.”²

Thế nên, cần nhấn mạnh rằng, người sứ mạng phải tu học Thiên đạo đại thừa mới đạt được cái Pháp để thực thi cái Quyền:

“Có chức tất có vị, có vị tất có quyền. Quyền đạo đòi hỏi người thiên ân hướng đạo có pháp đạo tương xứng theo cấp bậc điều hành hướng đạo thì Quyền Pháp sẽ nghiêm minh.”³

Điều đó đã được đức Chí Tôn khẳng định trong huấn từ sau đây của Ngài:

*“Đại Từ Phụ Ngọc Hư sắc tứ,
Ban thiên ân nam nữ điện tiên;
Phụng hành lý Đạo cơ Thiên,
Song tu tánh mạng, pháp quyền xương minh.”⁴*

¹ Đức Đông Phương Chương Quán; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 23-6 Canh Tuất.

² Đạo Học Chi Nam, chương 4, tiết 4, mục 1.

³ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 15-7 Ất Sửu.

⁴ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hợi thời, 29-02 Mậu Ngọ,.

4. KẾT LUẬN

Quyền Pháp của Tam Kỳ Phổ Độ đã có và đang có; sứ mạng Quyền Pháp còn đang diễn tiến chứ chưa hoàn thành.

Tất cả những sở vật thực tại trong thời Hạ nguơn đều đang biến dưỡng, đang chịu quy luật đào thải và bảo tồn.

Thứ đến, dân tộc được chọn phải thắp sáng ý thức sứ mạng chứ không chỉ dừng lại ở lòng tin Thầy mến Đạo mà thôi. Mảnh đất tuy có ấp ủ hạt giống đã gieo, nhưng những điều kiện hỗ trợ chưa đáp ứng đúng mức, thì hạt vẫn chưa thể nảy mầm.

Trong khi đó, hàng Thiên ân hướng đạo cần tu chứng để lập thành thể Thiên nhân hiệp nhất, hầu trợ lực cho cơ đạo tiến triển nhanh chóng.

“Nếu không làm được Đông thành Xuân, phạm tục thành Tiên Thánh, loạn nên trị, chiến đấu ra an bình, vị kỷ ra đại đồng, chính là chưa đạt được Quyền Pháp đó.”¹

Cuối cùng, cần ghi nhớ:

“Quyền Pháp là Thầy, là Đạo;”²

và:

“Quyền Pháp Đạo là tình thương và sự sống;”³

với lời nhắc nhở của Đức Chí Tôn:

“Có nắm được Quyền Pháp thì đạo mới hoằng khai; có tình thương, sự sống mới hòa bình an lạc. Đó là điều kiện

¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88.

² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.89.

³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hội thời, 30-12 Quý Sửu.

duy nhất để con trở về bến khởi nguyên Đại Đạo, về cùng Thầy."¹

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hội thời, 30-12 Quý Sửu.